

DỰ THẢO LẦN 5

“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy ý chí, khát vọng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, huy động mọi nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững; phấn đấu đến năm 2030 Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, năm 2035 là thành phố trực thuộc Trung ương”

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025)

Phần thứ nhất**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ XVI, NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVI được triển khai thực hiện trong bối cảnh thuận lợi, khó khăn và thách thức đan xen, song thuận lợi vẫn là cơ bản. Trong nước, tình hình chính trị ổn định, Trung ương chỉ đạo triển khai đồng bộ nhiều chủ trương, giải pháp lớn về công tác xây dựng Đảng, cải cách hành chính, thiết lập trật tự, kỷ cương; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia... đã tác động tích cực, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020. Cùng với cả nước, tỉnh ta cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức về thời tiết, dịch bệnh, nguồn lực đầu tư và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 bùng phát nhanh từ cuối năm 2019, đang có diễn biến hết sức phức tạp trên phạm vi toàn cầu, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế và đời sống xã hội ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tác động của đại dịch ảnh hưởng đến kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển của tỉnh, nhất là tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước năm 2020 và việc thực hiện chỉ tiêu của cả nhiệm kỳ.

Phát huy tiềm năng, lợi thế, với sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đã tích cực, chủ động nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế đạt mức tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp hóa. Thu ngân sách và thu hút đầu tư đạt kết quả khá cao, từ năm 2017, tỉnh tự cân đối ngân sách và có một phần điều tiết về ngân sách Trung ương. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhất là hệ thống giao thông liên tỉnh. Xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn mới đạt kết quả nổi bật. Văn hóa - xã hội phát triển toàn diện, thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa; giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt nhiều tiến bộ mới. Quốc phòng - an ninh được củng cố và giữ vững.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước chuyển biến tích cực, nhất là trong việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Đời sống, việc làm và thu nhập của nhân dân ngày càng được cải thiện đáng kể. Hoạt động hội nhập và hợp tác kinh tế đạt được những kết quả tích cực. Kết quả thực hiện đã đạt và vượt 16/20 chỉ tiêu Đại hội đề ra, cụ thể:

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, QUỐC PHÒNG - AN NINH, THANH TRA, TƯ PHÁP, ĐỐI NGOẠI

1. Kinh tế tăng trưởng khá, chú trọng cơ cấu lại các ngành kinh tế, bước đầu đạt kết quả tích cực

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá 2010) tăng bình quân 8,4%/năm¹ (mục tiêu từ 8 - 8,5%), cao hơn giai đoạn 2010 - 2015 (7,7%) và cao hơn mức bình quân chung của cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 70,6 triệu đồng, tương đương khoảng 3.050 USD (đứng thứ 19 trong toàn quốc). Quy mô kinh tế gấp 1,6 lần so với năm 2015 (đứng thứ 11 trong toàn quốc); tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế tăng từ 35,2% (giai đoạn 2011-2015) lên 47,1% (giai đoạn 2016-2020).

Tập trung thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, trên cơ sở phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế và dịch vụ; năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm 90,5% GRDP (đầu nhiệm kỳ chiếm 78%). Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư, nguồn vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tăng từ 80,6% (năm 2015) lên 89,4% (năm 2020), đặc biệt từ khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng mạnh (từ 18,7% lên 29,4%) trong tổng vốn đầu tư xã hội, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế. Thực hiện chủ trương cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, giai đoạn 2016 - 2020 đã hoàn thành cổ phần hóa 03 doanh nghiệp và chuyển đổi 03 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Sau cổ phần hóa, cơ bản các doanh nghiệp hoạt động ổn định, một số doanh nghiệp đã đổi mới mô hình quản trị nội bộ, phát triển thị trường và có bước phát triển bền vững.

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng trưởng ổn định, chuyển mạnh sang mô hình tập trung; hoàn thành vượt mức mục tiêu xây dựng nông thôn mới

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,9%/năm². Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 156,2 triệu đồng (tăng 23,2 triệu đồng so với năm 2015), vượt mục tiêu đề ra (150 triệu đồng/1ha). Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng giá trị chăn nuôi - thủy sản, giảm tỷ trọng giá trị trồng trọt - lâm nghiệp; sản xuất dần chuyển dịch sang mô hình tập trung gắn với liên kết theo chuỗi giá trị, ứng

¹ Trong đó giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,9%/năm, Công nghiệp - Xây dựng tăng 11,3%/năm, Dịch vụ tăng 6,3%/năm.

² Trong đó GTSX nông nghiệp tăng 1,5%/năm, lâm nghiệp tăng 5,9%/năm, thủy sản tăng 5,2%/năm.

dụng tiến bộ mới trong sản xuất³, cơ giới hóa ở hầu hết các khâu; công tác bảo quản, chế biến nông sản có bước phát triển tích cực.

Duy trì ổn định diện tích 55.000 ha sản xuất lúa, năng suất, chất lượng được nâng lên, đảm bảo an ninh lương thực. Sản xuất rau màu được mở rộng về diện tích⁴, chủng loại và thị trường tiêu thụ; diện tích cây ăn quả cơ bản ổn định⁵, một số cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao (như: na, ổi, cam...) được phát triển, mở rộng. Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản⁶ có bước phát triển khá toàn diện, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, xa khu dân cư⁷; nhiều giống mới và mô hình sản xuất mới cho năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện; bộ mặt nông thôn thay đổi rõ rệt. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở xã được đầu tư xây dựng, nâng cấp khá đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất; thu nhập và đời sống của nhân dân khu vực nông thôn được nâng lên. Năm 2020, 100% các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt chuẩn nông thôn mới.

1.2. Công nghiệp, xây dựng duy trì mức tăng trưởng khá, bước đầu hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15,8%/năm (giai đoạn 2011-2015: 13,7%/năm). Cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo⁸. Quy mô ngành công nghiệp năm 2020 gấp 2,1 lần năm 2015. Một số sản phẩm, nhóm sản phẩm chủ lực sản xuất ổn định và tăng khá cao⁹. Bước đầu hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ. Đến nay, toàn tỉnh có 10 khu công nghiệp đã được đầu tư hạ tầng đồng bộ (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 80%); có 38 cụm công nghiệp được thành lập (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 70%), trong đó, 8 cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng. Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề¹⁰ tiếp tục có bước phát triển về chiều sâu, sản phẩm khá đa dạng. Hoạt động khuyến công được đổi mới, nâng cao về hiệu quả.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng tăng 12,2%/năm (giai đoạn 2011-2015 tăng 9,5%/năm). Tiếp tục mở rộng quy mô và phát huy công suất các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng lớn¹¹; khuyến khích đầu tư sản xuất các vật liệu xây dựng mới.

1.3. Ngành dịch vụ tiếp tục phát triển đa dạng, từng bước hình thành sản phẩm du lịch gắn với phát huy giá trị các di tích, danh thắng của tỉnh

³ Năm 2020 có trên 17.000 ha rau sản xuất theo quy trình GAP, có 23 ha nhà màng, nhà lưới; 13 vùng trồng vải được cấp mã số vùng trồng vải đủ tiêu chuẩn xuất khẩu với diện tích 131,68 ha. Toàn tỉnh có 15 khu chăn nuôi hàng hóa xa khu dân cư có quy mô trên 3ha, 76 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAP và chứng nhận đủ điều kiện ATTP. Các mô hình thủy sản mới cho năng suất cao được áp dụng, nhân rộng như: mô hình sông trong ao, mô hình ao nổi...

⁴ Diện tích rau các loại năm 2020 đạt 31.200 ha, tăng 1.611 ha so với năm 2015.

⁵ Diện tích cây ăn quả 21.000 ha, trong đó diện tích vải quả 9.850 ha.

⁶ Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 11.200 ha (tăng 353 ha), có 6.189 lồng nuôi cá trên sông (tăng 4.756 lồng), sản lượng đạt 82.700 tấn (tăng 16.028 tấn).

⁷ Tổng đàn và sản lượng thịt hơi xuất chuồng của các cơ sở chăn nuôi tập trung chiếm khoảng 45%.

⁸ Tăng từ 92,9% năm 2015 lên 94,5% năm 2020.

⁹ Như: may mặc tăng 17,2%/năm, giấy dép tăng 20,2%/năm, thép tăng 14,7%/năm, mạch điện tử tăng 16,6%/năm...

¹⁰ Toàn tỉnh có 65 làng nghề với 11 nhóm ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp.

¹¹ Như: xi măng, gốm xây dựng, gạch ốp lát, vật liệu xây dựng.

Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 6,3%/năm (giai đoạn 2011 - 2015: 7%/năm). Hoạt động xuất khẩu hàng hóa tăng khá, tổng giá trị đạt trên 31,6 tỷ USD, tăng bình quân 11,9%/năm. Thị trường hàng hóa và dịch vụ được kiểm soát; nhiều loại hình dịch vụ được khuyến khích thu hút đầu tư và phát triển đa dạng, một số loại hình dịch vụ chất lượng cao và tiện ích được hình thành; chất lượng nhân lực, dịch vụ... được cải thiện khá rõ¹². Ngành ngân hàng thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng vốn tín dụng và dịch vụ, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội¹³, thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, phát triển sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống.

Du lịch phát triển khởi sắc, kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch ngày càng được hoàn thiện, phát triển đồng bộ và hiện đại. Một số sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh được hình thành rõ nét¹⁴; một số tuyến du lịch liên tỉnh tiêu biểu đã được xây dựng và khai thác; số lượng khách du lịch tăng bình quân 8,4%/năm, doanh thu tăng bình quân 10,2%/năm.

1.4. Quan tâm đầu tư phát triển, thu ngân sách vượt kế hoạch đề ra, tự cân đối thu chi và có phần điều tiết về Trung ương

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư được tăng cường, các quy định trong quản lý đầu tư được quan tâm hoàn thiện. Việc bố trí vốn đầu tư được chú trọng, ưu tiên cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế, phát triển các lĩnh vực có lợi thế, đầu tư phát triển sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao và các lĩnh vực dịch vụ có lợi thế. Chỉ đạo và thực hiện quyết liệt những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh đã đạt tiến bộ trên một số mặt, huy động được nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển¹⁵, tỷ lệ huy động vốn đầu tư trên GRDP bình quân đạt 36,6%, (mục tiêu 32%).

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, nhất là các công trình giao thông kết nối với các tỉnh lân cận¹⁶. Hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn như: đường giao thông, công trình cấp nước sạch... được cải thiện rõ nét. Hạ tầng kỹ thuật ở các đô thị, nhất là thành phố Hải Dương, Chí Linh và thị xã Kinh Môn được đầu tư nâng cấp, tạo được nét khởi sắc mới. Hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp cơ bản được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư. Các công trình, dự án trọng điểm được tập trung đầu tư tạo động lực mới cho phát

¹² Các lĩnh vực như: dịch vụ vận tải - kho bãi, thông tin truyền thông, du lịch, ngân hàng, dịch vụ giáo dục, chăm sóc sức khỏe thẩm mỹ...

¹³ Huy động vốn tăng trưởng bình quân 16,4%/năm; dư nợ tăng trưởng bình quân 12,5%/năm, chất lượng tín dụng đảm bảo, nợ xấu trong tầm kiểm soát (dưới 02%).

¹⁴ Du lịch văn hóa, tâm linh, nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng;

¹⁵ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 đạt 207.865 tỷ đồng, tăng bình quân 13,5%/năm (giai đoạn 2011 - 2015: 6,1%/năm), trong đó: Vốn đầu tư từ khu vực nhà nước đạt 25.347 tỷ đồng (tăng 1,3%/năm), từ khu vực ngoài nhà nước 121.815 tỷ đồng (tăng 12,0%/năm), từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 60.703 tỷ đồng (tăng 25,7%/năm).

¹⁶ Như: Dự án Cầu Triều và đường dẫn nối QL18 (thị xã Đông Triều) với đường tỉnh 398B (thị xã Kinh Môn); Dự án xây dựng Cầu Dinh kết nối QL17B, đường tỉnh 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 352 (huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng); Dự án xây dựng Cầu Quang Thanh kết nối đường tỉnh 390 (huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 360 (huyện An Lão, thành phố Hải Phòng); Dự án kết nối đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đến QL38.

triển, như:

- Đường trục Bắc - Nam tỉnh Hải Dương: Đã hoàn thành giai đoạn 1.
- Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương¹⁷: Hiện đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hạng mục Trung tâm văn hóa xứ Đông và Quảng trường.
- Dự án phát triển khu du lịch, dịch vụ sinh thái và nghỉ dưỡng quy mô 300 ha tại khu vực di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu văn hóa - thể thao tỉnh Hải Dương và Trung tâm huấn luyện bóng bàn đã được phê duyệt danh mục đầu tư, đang thu hút, lựa chọn nhà đầu tư.

Trong nhiệm kỳ, đã đầu tư hoàn thành một số công trình giao thông quan trọng như: đường 62 m kéo dài đến nút giao Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường dẫn phía Bắc Cầu Hàn... Công tác quản lý, đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn được tăng cường. Các hệ thống hạ tầng thiết yếu¹⁸ được quan tâm đầu tư thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

Công tác quản lý tài chính ngân sách được thực hiện tốt. Từ năm 2017, Hải Dương là một trong 16 tỉnh, thành phố tự cân đối thu chi và có một phần điều tiết về ngân sách Trung ương. Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 79.261 tỷ đồng (tăng 13% so với dự toán), trong đó thu nội địa 62.178 tỷ đồng (đứng thứ 6 trong Vùng đồng bằng sông Hồng), tăng bình quân 11,6%/năm. Thực hiện các biện pháp chi ngân sách bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

1.5. Các thành phần kinh tế được quan tâm phát triển, khu vực kinh tế ngoài nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trở thành động lực chính

Các thành phần kinh tế được quan tâm, tạo môi trường bình đẳng để phát triển¹⁹, trong đó: kinh tế ngoài nhà nước có bước phát triển mạnh mẽ, tăng bình quân 7,6%/năm (giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 1,9%/năm); kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng bình quân 12,6%/năm, tiếp tục đi đầu trong sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh (nguồn vốn FDI đứng thứ 4 trong Vùng và thứ 11 trong toàn quốc).

Quan tâm khuyến khích thành lập mới doanh nghiệp và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa (tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, xúc tiến thương mại, dịch vụ lao động, pháp lý, bảo hộ sở hữu công nghiệp). Khu vực doanh nghiệp dân doanh có bước phát triển khá cả về số lượng, quy mô vốn sản xuất, trong nhiệm kỳ có 7.660 doanh nghiệp thành lập mới, tăng bình quân 10,2%/năm, vốn đăng ký tăng 21,8%/năm; hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, trình độ, kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp của đội ngũ doanh nhân được nâng lên.

1.6. Công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch có nhiều chuyển biến tích cực; phát triển đô thị đạt kết quả nổi bật

Công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch có bước tiến bộ; cơ bản phủ kín

¹⁷ Gồm: Trụ sở HĐND tỉnh và UBND tỉnh, Khu nhà các cơ quan hành chính tỉnh, Khu dịch vụ, Trung tâm Hội nghị và Quảng trường.

¹⁸ Như: nước sạch, điện sinh hoạt, giao thông đô thị, nông thôn, giao thông nội đồng...

¹⁹ Năm 2020, tỷ trọng kinh tế nhà nước chiếm 17,6%, ngoài nhà nước chiếm 47,4%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 35,0% kinh tế tỉnh.

quy hoạch xây dựng cho khu vực đô thị và nông thôn, đảm bảo định hướng phát triển và kết nối đồng bộ. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập một số quy hoạch các ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng thành phố, thị xã, thị trấn...

Công tác nâng cấp, phát triển đô thị đạt kết quả nổi bật, đã hình thành một số khu đô thị mới hiện đại, có thiết kế đồng bộ. Hoàn thành việc điều chỉnh địa giới hành chính và nâng cấp thành phố Hải Dương lên đô thị loại I, thị xã Chí Linh đạt đô thị loại III và trở thành thành phố, huyện Kinh Môn đạt đô thị loại IV và trở thành thị xã. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 32,2% (mục tiêu 33 - 35%).

2. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội phát triển ổn định và có nhiều đổi mới

2.1. Giáo dục và đào tạo có nhiều đổi mới và đạt kết quả khá toàn diện

Giáo dục và đào tạo có nhiều đổi mới. Mạng lưới, quy mô giáo dục²⁰ ngày càng phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập phong phú của nhân dân và xây dựng xã hội học tập ở địa phương. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được quan tâm, đầu tư theo hướng chuẩn hoá, hiện đại và đồng bộ, tỉ lệ phòng học kiên cố đạt 96,5% (tăng 5%); hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp, cải thiện; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 75,37%²¹ (tăng 22,6%, cao hơn tỷ lệ chung toàn quốc). Chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được nâng cao; trật tự, kỷ cương trường học được giữ vững. Hải Dương luôn đi đầu cả nước về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; chất lượng giáo dục toàn diện có bước tiến bộ; nhiều tiêu chí về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non đạt cao, vượt trội so với toàn quốc²²; thành tích học sinh giỏi quốc gia trong top đầu cả nước²³; chú trọng nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, góp phần tích cực nâng cao số lượng, chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện đột phá chiến lược về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được tập trung chỉ đạo, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016 - 2020”. Thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp, cơ cấu đào tạo ngành nghề các trường đại học, cao đẳng, trên địa bàn tỉnh ngày càng hợp lý, gắn liền với xu thế và nhu cầu lao động của xã hội, có tác động tích cực tới việc chuyển dịch cơ cấu lao động²⁴; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cập chứng chỉ tăng từ 18,8% năm 2015 lên 24% năm 2020. Quan tâm thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công tác tại tỉnh với 789 trường hợp²⁵; cử đi học tiến sĩ 10 người, thạc sĩ 249 người, 11 bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa II. Thực

²⁰ Quy mô 877 trường mầm non, phổ thông (giảm 65 trường), 01 trung tâm GDTX tỉnh và 12 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện; số lớp mầm non, phổ thông là 14.224 lớp (tăng 1.329 lớp) với 458.537 học sinh (tăng 52.016 em).

²¹ Trong đó: Mầm non 61,4% (tăng 34,8%); Tiểu học 96,1% (tăng 8,3%); THCS 89,8% (tăng 31,06%); THPT 63,5% (tăng 27,7%).

²² Năm 2019, tỷ lệ SDD thể nhẹ cân 1% đối với trẻ nhà trẻ và 1,3% đối với trẻ mẫu giáo; SDD thể thấp còi 1,4% đối với trẻ nhà trẻ và 1,3% đối với trẻ mẫu giáo, tỷ lệ tương ứng của toàn quốc (2,2% - 2,6% ; 3% -3,1%).

²³ Học sinh giỏi quốc gia 2015-2020: có 355/490 học sinh dự thi có đạt giải, tỉ lệ đạt giải trung bình các năm đạt 72,4%, cao hơn tỉ lệ chung toàn quốc với tổng số 13 giải Nhất, 84 giải Nhì, 118 giải Ba và 140 giải Khuyến khích.

²⁴ Quy mô đào tạo đại học, cao đẳng: 4.095 người; trung cấp: 4.645; sơ cấp: 19.675 người. Ước thực hiện giai đoạn 2016 - 2020, tuyển mới được 182.501 người (trình độ cao đẳng 11.626 người, trung cấp 18.652 người, sơ cấp 55.959 người và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng cho 96.264 người); công nhận tốt nghiệp cho 164.027 người).

²⁵ Thực hiện chính sách ưu đãi đối với 31 người có trình độ tiến sĩ, 758 người có trình độ thạc sĩ.

hiện đồng bộ các nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về thể chất, văn hóa tinh thần, trình độ học vấn và kỹ năng, lý tưởng sống; chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh tăng từ 0,703 năm 2015 lên 0,741 năm 2020 (cao hơn bình quân chung cả nước).

2.2. Công tác y tế, dân số có nhiều tiến bộ; chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân được nâng lên

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại phục vụ khám, chữa bệnh tiếp tục được đầu tư, áp dụng. Thực hiện có hiệu quả chủ trương giảm số lượng các đơn vị đầu mối sự nghiệp và chuyển đổi cơ chế tự chủ về kinh phí hoạt động của các cơ sở khám chữa bệnh công lập²⁶. Công tác y tế dự phòng, dân số và phát triển được triển khai có hiệu quả, thành lập các trung tâm y tế tuyến huyện đa chức năng theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, phù hợp xu hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu trong giai đoạn mới, thuận tiện, thống nhất cho triển khai các hoạt động được tập trung về một đầu mối thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn được giao. Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng. Trước diễn biến của đại dịch Covid-19, các cấp ủy đảng, chính quyền đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, có hiệu quả đồng bộ các giải pháp về tuyên truyền, giãn cách xã hội, chủ động sàng lọc bệnh nhân, xét nghiệm, điều trị để đảm bảo giảm thiểu lây nhiễm, khoanh vùng dập dịch... Với tinh thần vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được kiểm soát tốt.

Thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; nâng cao năng lực điều trị cho các tuyến, tạo cơ hội tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao của người dân ngày càng thuận lợi, các chỉ tiêu về sức khỏe không ngừng được tăng lên, nhiều chỉ số cao hơn so với mặt bằng chung của toàn quốc²⁷. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 78,5% lên 90,5%; số bác sĩ/vạn dân từ 7,9 tăng lên 9,3; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ làm việc từ 76,6% tăng lên 85,7%; số giường bệnh (không tính giường trạm y tế xã) trên 1 vạn dân từ 25,5 giường tăng lên 31,2 giường.

2.3. Văn hoá, thể thao phát triển khá toàn diện

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tiếp tục phát triển, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, đời sống văn hóa lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tỷ lệ các danh hiệu văn hóa hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra²⁸. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, quản lý lễ hội từng bước đi vào nề nếp. Hoạt động văn học nghệ thuật có bước phát triển, chất lượng được nâng lên. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng, có thêm 3 di tích, cụm di tích được

²⁶ Đã giảm số lượng đầu mối từ 54 xuống còn 27 đơn vị; Giảm số lượng các khoa, phòng thuộc đơn vị sự nghiệp từ 275 xuống còn 198 (giảm 77 khoa, phòng).

²⁷ Tuổi thọ trung bình tăng từ 74,5 tuổi (năm 2015) lên 75 tuổi vào năm 2020 (toàn quốc 73,8); tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ước giảm từ 11,7% xuống 10,2% (toàn quốc 12%).

²⁸ Toàn tỉnh có 85% số gia đình văn hoá, 93,7% số làng, khu dân cư văn hóa, 85% cơ quan, đơn vị văn hóa.

công nhận di tích quốc gia đặc biệt²⁹, hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 142 di tích cấp quốc gia, 08 bảo vật quốc gia, 04 di tích quốc gia đặc biệt. Các thiết chế văn hoá, thể dục thể thao ở cơ sở được quan tâm đầu tư xây dựng. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì rộng khắp và có bước phát triển, năm 2020 có trên 32% dân số tập thể thao thường xuyên; thể thao thành tích cao khẳng định được vị thế trong toàn quốc và khu vực³⁰. Công tác xã hội hoá hoạt động văn hoá, thể thao đạt một số kết quả tích cực.

2.4. Thông tin và truyền thông phát triển mạnh mẽ

Quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thông tin và truyền thông được chú trọng. Hệ thống báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng và có nhiều đổi mới. Hạ tầng và dịch vụ thông tin, truyền thông tiếp tục được hoàn thiện và ngày càng đồng bộ, hiện đại³¹. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước; triển khai Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh. Hệ thống Một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến, quản lý văn bản, thư điện tử công vụ... được triển khai thống nhất và đồng bộ 3 ở cả cấp trong toàn tỉnh; đến nay, 10% số lượng dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4.

2.5. Lao động, việc làm và an sinh xã hội được quan tâm

Công tác lao động, việc làm, an sinh xã hội đạt được những kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo giảm trung bình 1,06%/năm³²; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 ước đạt 75%. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản³³, tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng³⁴. Công tác quản lý nhà nước về lao động được tăng cường; việc tuyển sinh dạy nghề, tạo việc làm mới cho lao động hằng năm được thực hiện tốt³⁵; đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội ngày càng mở rộng, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tăng bình quân 8,4%/năm. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công và đảm bảo an sinh xã hội. Các quyền của phụ nữ và trẻ em được bảo đảm. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, đặc biệt tệ nạn ma túy đạt kết quả tích cực. Việc triển khai hiệu quả các chính sách an sinh xã hội đã góp phần tạo ổn định xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, ước năm 2020 thu nhập bình quân đạt 4,46 triệu đồng/tháng (tăng 1,9 triệu với năm 2015); các chỉ tiêu cơ bản về thu nhập, chi tiêu, nhà ở và phương tiện sinh hoạt phục vụ đời sống người dân hằng năm đều tăng.

3. Lĩnh vực khoa học và công nghệ, quản lý tài nguyên và môi trường có nhiều tiến bộ

²⁹ Văn Miếu Mao Điền; Quần thể An Phụ - Kinh Chủ - Nhâm Dương; Cụm di tích đền Xưa - chùa Giám - đền Bia.

³⁰ Luôn duy trì trong top 10 tỉnh, thành, ngành có thành tích thể thao mạnh nhất cả nước qua các kỳ đại hội.

³¹ 100% diện tích của tỉnh được phủ sóng mạng di động 3G, 90% diện tích phủ sóng 4G; Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động đạt 123 máy/100 dân; Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định đạt 15 thuê bao/100 dân, di động đạt 65 thuê bao/100 dân; Tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet đạt 60%; Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 60%-70%.

³² Từ 7,19% năm 2015 ước còn 1,36% vào năm 2020.

³³ Từ 35,1% năm 2015 xuống còn 25% năm 2020.

³⁴ Từ 36,5% năm 2015 lên 45,5% năm 2020.

³⁵ Dạy nghề cho 36.500 lao động, giải quyết việc làm cho trên 35.000 lao động (xuất khẩu trên 4.500 lao động).

3.1. Khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển theo hướng thiết thực, hiệu quả

Hoạt động khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển theo hướng thiết thực, hiệu quả; tỉnh đã đầu tư 213,9 tỷ đồng từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện 140 nhiệm vụ, tập trung vào giải quyết những vấn đề cấp thiết trong sản xuất và đời sống, mang lại hiệu quả thiết thực. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ của tỉnh được tăng cường; hệ thống quản lý được kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối. Hoạt động khoa học và công nghệ đã góp phần quan trọng xác định những luận cứ, cơ sở khoa học để đưa ra các quyết định lựa chọn, chấp thuận đầu tư các dự án, công trình phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn, trùng tu di sản văn hóa và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3.2. Công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên được tăng cường

Công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện; đã tổ chức khai thác, quản lý có hiệu quả các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý nhiều tổ chức, cá nhân vi phạm. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào nền nếp, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã bám sát vào chỉ tiêu sử dụng đất, danh mục các dự án, công trình được phê duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, qua đó tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn đạt 78,4%, đất ở đô thị 73,2%, đất các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp 92%.

3.3. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường được chú trọng

Cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nguồn nước, không khí, đất đai được tăng cường; chú trọng công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư. Công tác thanh tra, xử lý các vi phạm về môi trường được tiến hành thường xuyên và xử lý kiên quyết³⁶. Một số “điểm nóng” về môi trường, nhất là việc gây ô nhiễm do hoạt động của lò gạch thủ công đã được xử lý triệt để.

Công tác quản lý môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh được tăng cường; thực hiện tốt Đề án lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh³⁷. Phong trào vệ sinh môi trường từ thôn, khu dân cư được đẩy mạnh, huy động được sự đóng góp tích cực của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư; nhiều mô hình tự quản bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả.

4. Quốc phòng, an ninh, thanh tra, tư pháp được bảo đảm

³⁶ Thanh tra, kiểm tra đối với 424 đơn vị, xử lý vi phạm hành chính đối với 89 đơn vị, cá nhân với tổng số tiền xử phạt 7.549,74 triệu đồng.

³⁷ 07/10 khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đang hoạt động ổn định, 03/10 khu đã hoàn thiện, nhưng chưa đưa vào vận hành ổn định. Có 14/36 cụm công nghiệp được phê duyệt đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

4.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương tiếp tục được củng cố và tăng cường

Công tác quốc phòng - quân sự địa phương được triển khai đồng bộ, toàn diện, có chiều sâu. Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2016-2020 triển khai đạt kết quả tốt, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên; tích cực đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện, duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, qua đó chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang không ngừng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân³⁸; công tác tuyển sinh quân sự hằng năm đạt kết quả cao; thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh³⁹, công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Bảo đảm đồng bộ công tác hậu cần, tài chính, vũ khí, trang bị cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập và các nhiệm vụ đột xuất khác⁴⁰. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị chăm lo chính sách hậu phương quân đội và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”⁴¹.

4.2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; chủ động, kịp thời phát hiện và đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; đảm bảo vững chắc an ninh trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa tư tưởng, tôn giáo. Giải quyết kịp thời, ổn định các vụ việc phức tạp, tập trung đông người, không để phát sinh thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm đạt kết quả tích cực, chất lượng điều tra, khám phá các vụ án, nhất là các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, dư luận quan tâm được nâng cao⁴². Triển khai tổ chức thực hiện nhiều giải pháp trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Huy động các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và thực hiện Đề án “Xây dựng làng an toàn, khu dân cư an toàn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự”⁴³.

4.3. Chất lượng công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng lên

Công tác thanh tra được triển khai thực hiện đúng quy định, giảm bớt tình trạng chồng chéo, chất lượng được nâng lên, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu

³⁸ Trong nhiệm kỳ đã giao 16.100 công dân nhập ngũ.

³⁹ Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 22.454 đối tượng; giáo dục QP-AN cho 66.893 học sinh, sinh viên; tỷ lệ dân quân tự vệ đạt 1,56% dân số; đào tạo 465 sỹ quan dự bị từ nguồn ngân sách địa phương.

⁴⁰ Tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh và 438 cuộc diễn tập các cấp, các ngành; đầu tư xây dựng công trình trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh 88 tỷ.

⁴¹ Chi trả cho 21.931 đối tượng với kinh phí trên 65 tỷ đồng; xây dựng 37 nhà tình nghĩa, nhà đồng đội; tổ chức khám, chữa bệnh miễn phí, tặng quà, thăm hỏi đối với nhiều đối tượng chính sách. Vận động hơn 1,2 tỷ đồng cho quỹ đền ơn đáp nghĩa. Đón nhận hài cốt 03 liệt sỹ hy sinh tại Campuchia, quy tập 23 hài cốt liệt sỹ. Giám định thương tật cho 247 trường hợp. Xác định liệt sỹ cho 04 trường hợp...

⁴² Tỷ lệ điều tra khám phá án đạt 84,2% (vượt 4,2%), trong đó án trọng điểm đạt 90,8% (vượt 0,8%).

⁴³ Xây dựng và nhân rộng trên 700 lượt mô hình, điển hình tiên tiến theo hướng “Tự quản, tự phòng ngừa, tự bảo vệ an ninh trật tự”.

của công tác quản lý nhà nước, góp phần phòng ngừa vi phạm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí⁴⁴. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện tương đối đầy đủ, nghiêm túc; cơ bản các đơn thư được xem xét, giải quyết, nhiều vụ việc được giải quyết ngay từ cơ sở. Chất lượng giải quyết tố cáo, khiếu nại của công dân từng bước được nâng lên, đảm bảo đúng pháp luật⁴⁵. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, nhất là các vụ việc đông người, kéo dài ở một số địa phương được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát và xử lý dứt điểm⁴⁶.

4.4. Công tác tư pháp tiếp tục được đổi mới và tăng cường

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý phát huy hiệu quả tích cực, từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Công tác theo dõi thi hành pháp luật được triển khai thực hiện đồng bộ; các hoạt động hỗ trợ tư pháp được củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực và chất lượng. Việc phối hợp giữa các cơ quan tổ tụng hai cấp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử được tăng cường⁴⁷; chất lượng tranh tụng tại phiên tòa có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác thi hành án hình sự được thực hiện nghiêm minh; chất lượng thi hành án dân sự từng bước được nâng cao. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nền nếp, có chất lượng, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo thẩm quyền được nâng lên. Đã ban hành, tổ chức thực hiện một số đề án, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; hoàn thiện quy định về quản lý giá, định mức kinh tế, kỹ thuật các dịch vụ công... đảm bảo cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế theo nguyên tắc thị trường, tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước.

5. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng theo hướng thiết thực, hiệu quả

Công tác tuyên truyền, phổ biến về đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân, hội nhập quốc tế được tăng cường. Hoạt động đối ngoại của tỉnh được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, ngày càng đi vào chiều sâu theo hướng nâng cao hiệu quả, thiết thực; tiếp tục duy trì tốt các mối quan hệ hợp tác và đã ký kết nhiều văn bản hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước⁴⁸ cũng như nước ngoài⁴⁹ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, sản phẩm của tỉnh và thu hút đầu tư về Hải Dương. Hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động liên kết phát triển vùng được coi trọng, đạt nhiều kết quả

⁴⁴ Qua 2.772 cuộc thanh tra, kiểm tra đã phát hiện vi phạm về kinh tế với số tiền 265 tỷ 719 triệu đồng và 15.313 m² đất; kiến nghị xử lý kỷ luật 07 tập thể và 39 cá nhân; kiến nghị chuyển cơ quan điều tra 01 vụ việc (01 đối tượng); xử phạt vi phạm hành chính 26 tỷ 277 triệu đồng.

⁴⁵ Đã tiếp nhận và phân loại, xử lý 22.355 đơn các loại; đã giải quyết 1.333/1.522 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt 87,6%.

⁴⁶ Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh có 16 vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đông người, kéo dài, trong đó có 10 vụ việc đã giải quyết xong và 06 vụ việc đang được xem xét giải quyết.

⁴⁷ Đã phối hợp, xác định, giải quyết kịp thời 626 vụ án hình sự trọng điểm; tổ chức trên 1600 phiên tòa lưu động; tỷ lệ án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong các giai đoạn tố tụng ở mức thấp 0,99%.

⁴⁸ Với các tỉnh: Quảng Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Giang, Phú Thọ, Phú Yên; TP Hà Nội, Hải Phòng.

⁴⁹ Các tỉnh, thành: Kagoshima (Nhật Bản), Viêng Chăn (Lào), Seine-Saint-Denis và Montreuil (Pháp), Suwon (Hàn Quốc), Bách Sắc và Tê Nam (Trung Quốc)...

tích cực, nhất là liên kết triển khai các dự án hạ tầng giao thông kết nối trong khu vực Vùng đồng bằng sông Hồng.

Hoạt động đối ngoại nhân dân được đổi mới, có nhiều kết quả nổi bật, củng cố quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước có quan hệ hợp tác với tỉnh thông qua các hoạt động giao lưu, trao đổi, văn hóa, giáo dục; đẩy mạnh các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị; qua đó, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội của tỉnh.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm lãnh đạo thực hiện

1.1. Thường xuyên làm tốt công tác chính trị, tư tưởng

Việc nghiên cứu, quán triệt, triển khai, sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được thực hiện nghiêm túc, có đổi mới⁵⁰. Việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết được xác định trên cơ sở gắn với tình hình thực tiễn, chỉ rõ nội dung, đối tượng, nguồn lực và tiến độ thực hiện, đảm bảo tính khả thi. Kịp thời triển khai nghiên cứu, quán triệt, học tập và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Công tác thông tin, tuyên truyền, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội được triển khai đa dạng, phong phú, phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác giáo dục lý luận chính trị và đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên được chú trọng thực hiện tốt; nội dung, chương trình từng bước được đổi mới; phương pháp giảng dạy, học tập được cải tiến, gắn lý luận với thực tiễn.

Việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đi vào chiều sâu, gắn với thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và các quy định về nêu gương; trong đó đã lựa chọn 03 công việc trọng tâm, mang tính đột phá⁵¹ để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Việc nêu gương, thực hiện nói đi đôi với làm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có chuyển biến tích cực.

1.2. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy, công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng và đảng viên có nhiều đổi mới

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng ở cơ sở; người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân... Xây dựng và thực hiện nghiêm

⁵⁰ Theo hình thức trực tuyến ở cấp tỉnh và cấp huyện.

⁵¹ Công việc thứ nhất: “Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc theo đúng thẩm quyền, đúng quy định; xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị”; công việc thứ hai: “Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và cải cách tài chính công; tăng cường kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ, chất lượng phục vụ nhân dân trong các cơ quan nhà nước”; công việc thứ ba: Tiếp tục “Nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức các hội nghị, cuộc họp của cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”.

chương trình, kế hoạch công tác; chỉ đạo các mặt công tác có trọng tâm, trọng điểm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Các cấp ủy tập trung rà soát, xây dựng và ban hành quy chế làm việc, quy định rõ chế độ làm việc, chức trách, thẩm quyền của tập thể và cá nhân; quán triệt và thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý và điều hành, không buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện, làm thay công việc của chính quyền. Duy trì thường xuyên chế độ nghe và cho ý kiến chỉ đạo về nội dung của các kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp; lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác của Ủy ban nhân dân các cấp; tăng cường kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Thường trực cấp ủy duy trì giao ban với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng, với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan khối nội chính; tăng cường kiểm tra, làm việc với các ngành, địa phương, kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc, nhất là những công việc trọng tâm, các công trình trọng điểm. Công tác cải cách thủ tục hành chính trong Đảng được chú trọng và có chuyển biến tích cực; góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

Công tác xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng được tăng cường; thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, xây dựng, phát triển tổ chức đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội trong khu vực kinh tế tư nhân⁵². Cơ bản sắp xếp xong các chi bộ có đông đảng viên và thôn, khu dân cư có nhiều chi bộ ở xã, phường, thị trấn⁵³; kiện toàn tổ chức bộ máy của tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các xã, thị trấn mới sau sáp nhập.

Phong trào thi đua xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh gắn với giải quyết các tổ chức cơ sở đảng yếu kém được đẩy mạnh⁵⁴. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được quan tâm nâng cao chất lượng; đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên⁵⁵. Công tác đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm được tiến hành nghiêm túc, đồng thời tăng cường công tác rà soát, sàng lọc đảng viên⁵⁶.

1.3. Công tác tổ chức, cán bộ đạt kết quả rõ nét

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII⁵⁷ và thực hiện tinh giản biên chế⁵⁸ theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015

⁵² Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập mới 37 tổ chức đảng (trong đó có 13 chi bộ cơ sở, 24 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở) với 304 đảng viên; thành lập được 163 tổ chức Công đoàn với 70.357 đoàn viên; 36 tổ chức Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên với 2.012 đoàn viên, thanh niên; 02 tổ chức Hội Cựu chiến binh với 37 hội viên.

⁵³ Theo hướng 01 thôn, khu dân cư có 01 chi bộ, đến nay, toàn tỉnh chỉ còn 04/1.334 thôn, khu dân cư có 2 chi bộ.

⁵⁴ Hằng năm, có trên 78,3% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh (hoàn thành tốt nhiệm vụ) trở lên.

⁵⁵ Bình quân mỗi năm kết nạp được 2.500 đảng viên.

⁵⁶ Sàng lọc, đưa ra khỏi Đảng 591 đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật hoặc không còn thiết tha với Đảng (khai trừ 57, xóa tên 387, cho rút 591).

⁵⁷ Đối với cấp huyện: có 12/12 đơn vị đã bố trí trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm chính trị; 9 đơn vị bố trí trưởng ban dân vận cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban MTTQ; 04 đơn vị bố trí trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ; 03 huyện thực hiện bố trí chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra; 02 huyện hợp nhất văn phòng cấp ủy với văn phòng hội đồng nhân dân và văn phòng ủy ban nhân dân. Đối với cấp xã: 52 đơn vị thực hiện mô hình bí thư đảng ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân. Đối với cấp tỉnh: Giải thể Đảng ủy khối Doanh nghiệp; mỗi sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, mỗi chi cục và trung tâm trực thuộc sở, ngành cấp tỉnh giảm được ít nhất 1 phòng, ban chuyên môn và tương đương so với quy định hiện hành; sắp xếp giảm 142 đơn vị sự nghiệp công lập.

⁵⁸ Tổng số người được tinh giản 550 người; thực hiện giảm 3.696 chỉ tiêu biên chế (trong đó: 389 biên chế công

của Bộ Chính trị với quyết tâm chính trị cao và đạt được một số kết quả rõ nét. Triển khai thực hiện tốt việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã (giảm 30 đơn vị) và sáp nhập các thôn, khu dân cư chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định (giảm 135 thôn, khu dân cư)⁵⁹.

Công tác cán bộ được quan tâm thực hiện đồng bộ, có sự đổi mới, đảm bảo nguyên tắc, đúng quy định, phát huy dân chủ. Công tác đánh giá cán bộ từng bước đi vào thực chất. Việc quy hoạch cán bộ cơ bản đáp ứng nhu cầu, đảm bảo cơ cấu và tính kế thừa. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm đáp ứng tiêu chuẩn của vị trí, chức danh được quy hoạch và vị trí việc làm. Việc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, điều động, luân chuyển cán bộ kịp thời, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; quan tâm lựa chọn cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản, có triển vọng phát triển để luân chuyển làm cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành và các địa phương trong tỉnh. Chính sách đối với cán bộ được quan tâm thực hiện, trong đó có việc giải quyết chế độ cho các trường hợp không tái cử hoặc thôi do sắp xếp tổ chức bộ máy.

1.4. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được tăng cường

Các cấp ủy, tổ chức đảng luôn chú trọng và tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát. Đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc chương trình kiểm tra, giám sát đề ra; bổ sung nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW và các quy định về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên; đồng thời thực hiện tốt các cuộc kiểm tra, giám sát theo sự chỉ đạo của cấp trên⁶⁰. Chỉ đạo kịp thời giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại của tổ chức đảng và đảng viên đảm bảo đúng nguyên tắc, quy trình, quy định⁶¹; trong đó tập trung chỉ đạo, giải quyết dứt điểm ngay từ cơ sở, hạn chế việc tố cáo, khiếu nại vượt cấp, kéo dài.

Ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động thực hiện tốt công tác tham mưu, giúp cấp ủy và thực hiện đầy đủ, có chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm và xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm⁶².

Trong nhiệm kỳ, cấp ủy các cấp đã thi hành kỷ luật 29 tổ chức đảng cấp dưới. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.014 đảng viên. Nhìn chung, việc thi hành kỷ luật Đảng đảm bảo nghiêm minh, kịp thời, có tính giáo dục và răn đe.

1.5. Công tác dân vận có nhiều đổi mới

Các cấp ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Quy chế

chức, bằng 11,3%; 3.307 biên chế viên chức, bằng 9,54% so với chỉ tiêu biên chế được giao năm 2015).

⁵⁹ Sắp xếp, sáp nhập 55 đơn vị hành chính cấp xã thành 25 đơn vị; sáp nhập 305 thôn - khu dân cư, chia tách 10 thôn; thành lập 178 thôn mới, khu dân cư mới, qua đó, toàn tỉnh còn 1.334 thôn, khu dân cư (giảm 135 đơn vị).

⁶⁰ Kiểm tra 7.183 đảng viên và 6.232 tổ chức đảng; giám sát theo chuyên đề 5.811 đảng viên và 3.537 tổ chức đảng.

⁶¹ Giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với 07 đảng viên; giải quyết tố cáo đối với 28 đảng viên.

⁶² Ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh đã kiểm tra chuyên đề đối với 7.685 tổ chức đảng; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 401 đảng viên và 105 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề đối với 2.486 đảng viên và 2.620 tổ chức đảng; giải quyết tố cáo đối với 135 đảng viên và 05 tổ chức đảng.

dân chủ ở các loại hình cơ sở, Quy chế tiếp xúc, đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với nhân dân; hướng các hoạt động, các phong trào công tác dân vận, nhất là “Dân vận khéo” về cơ sở, tập trung vào những vấn đề khó, vấn đề mới có liên quan thiết thực đến các tầng lớp nhân dân. Công tác dân vận chính quyền được quan tâm và có nhiều đổi mới gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; dân chủ và thực hành dân chủ được nâng lên. Việc tiếp xúc, đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở⁶³ đã đi vào nền nếp, giải quyết kịp thời những bức xúc, đề xuất, kiến nghị của nhân dân ngay từ cơ sở, có hiệu quả thiết thực, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Hệ thống dân vận các cấp đã phát huy vai trò tham mưu, giúp cấp ủy thực hiện công tác dân vận, công tác tôn giáo và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo các mặt công tác của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; thường xuyên bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình nhân dân để tham mưu giúp cấp ủy có hướng chỉ đạo, giải quyết kịp thời.

1.6. Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí đạt kết quả tích cực

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã tích cực quán triệt và triển khai thực hiện tương đối toàn diện, đồng bộ công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng; công tác tuyên truyền pháp luật được đẩy mạnh. Các cơ quan nội chính đã phối hợp chặt chẽ và phát huy tốt vai trò nòng cốt tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xử lý, giải quyết các vấn đề nhạy cảm, các vụ việc khiếu kiện tập thể, mâu thuẫn phức tạp. Cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan nội chính trên địa bàn tỉnh đã chủ động triển khai nhiều biện pháp nghiệp vụ; tăng cường phối hợp, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động ở tất cả các khâu, đảm bảo việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan sai. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống tham nhũng, thực hiện tốt việc kê khai tài sản thu nhập, chuyên đổi vị trí làm việc⁶⁴. Các vụ việc, vụ án tham nhũng đều được các cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết nghiêm minh theo pháp luật⁶⁵. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai thực hiện nghiêm túc, kết quả tiết kiệm trong sử dụng ngân sách Nhà nước năm sau cao hơn năm trước⁶⁶.

2. Công tác xây dựng chính quyền

2.1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được đổi mới

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được đổi mới cả về nội dung và phương thức, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Trong đó, đã đổi mới và nâng cao chất lượng các kỳ họp và dành nhiều thời gian cho thảo luận, chất vấn; đã tổ chức các cuộc chất vấn và giải trình tại hội nghị

⁶³ Cấp tỉnh 13 cuộc, cấp huyện 125 cuộc, cấp xã 1.853 cuộc.

⁶⁴ Trong nhiệm kỳ qua đã luân chuyển, chuyển đổi vị trí cán bộ công chức đối với 2.144 lượt người; có 56.407 lượt người đã thực hiện kê khai tài sản, đạt 99,94%.

⁶⁵ Đã phát hiện và khởi tố 05 vụ án hình sự đối với 06 bị can về tội phạm tham nhũng, đang xem xét 03 vụ việc có dấu hiệu tội tham ô tài sản.

⁶⁶ Tiết kiệm ngân sách: Năm 2016: 119,712 tỷ đồng, năm 2017: 195,344 tỷ đồng, năm 2018: 214,832 tỷ đồng.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Công tác thẩm tra các nội dung trước khi trình Hội đồng nhân dân và việc giám sát triển khai các nghị quyết của Hội đồng nhân dân được chú trọng. Các cuộc giám sát chuyên đề đạt hiệu quả cao. Thực hiện tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp đúng quy định, những kiến nghị của cử tri và nhân dân được phản ánh kịp thời đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Hầu hết, đại biểu hội đồng nhân dân đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của người đại biểu nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

2.1. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp được nâng lên

Ủy ban nhân dân các cấp đã tập trung đổi mới phương thức hoạt động nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành các hoạt động quản lý nhà nước. Chủ động cụ thể hóa các chủ trương của cấp ủy và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp bằng các đề án, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và tập trung huy động các nguồn lực thực hiện. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ đối với Ủy ban nhân dân cấp dưới. Chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân các cấp được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo thời gian theo quy định. Nội dung cho các kỳ họp Ủy ban nhân dân, họp lãnh đạo Ủy ban nhân dân được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ, bám sát thực tiễn; các công việc được giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được quan tâm kiện toàn và nâng cao chất lượng công tác; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp mình thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên địa bàn và trên lĩnh vực phụ trách.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính

Tập trung thực hiện khâu đột phá về cải cách hành chính; công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính có nhiều đổi mới, sâu sát, quyết liệt. Cải cách thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông và ứng dụng công nghệ thông tin đã tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước. Phân cấp quản lý giữa các cấp chính quyền được đẩy mạnh trên một số lĩnh vực⁶⁷ đã góp phần tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, giảm công việc cho cấp tỉnh, phát huy tính chủ động của chính quyền cấp dưới, góp phần quản lý nhà nước hiệu quả hơn.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được nâng cao thông qua việc triển khai đề án vị trí việc làm gắn với tinh giản biên chế. Công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc, công bằng, dân chủ, công khai, đúng quy chế. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính⁶⁸. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà

⁶⁷ Các lĩnh vực: công tác tổ chức và quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh; cấp phép kinh doanh; nguồn thu giữa các cấp ngân sách; quy hoạch xây dựng; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quản lý nhà nước về giá; đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; quản lý ngân sách và tài sản công...

⁶⁸ Toàn tỉnh có 113 đơn vị quản lý hành chính thực hiện cơ chế tự chủ (50 đơn vị cấp tỉnh và 63 đơn vị cấp huyện); có 748 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính (05 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; 40 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; 703 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên).

nước được tăng cường triển khai thực hiện⁶⁹, tạo tiền đề quan trọng xây dựng chính quyền điện tử.

3. Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục có nhiều đổi mới

Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo, định hướng hoạt động công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; chú trọng xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục có bước tiến bộ, đạt kết quả thiết thực; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước phát động; tích cực tham gia vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng; thực hiện có hiệu quả các phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, xây dựng gia đình - làng, khu dân cư văn hoá; vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường; tích cực tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa, công tác nhân đạo, từ thiện; giữ gìn an ninh trật tự, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội, góp phần giữ vững ổn định tình hình cơ sở, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Phối hợp tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, hoạt động tiếp xúc cử tri, tham gia xây dựng pháp luật. Tích cực tuyên truyền, vận động, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chủ động giám sát việc giải quyết các vụ việc gây bức xúc trong nhân dân; giám sát đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; chủ động phối hợp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân, đề xuất với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền về vấn đề nhân dân bức xúc. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng rõ nét, bước đầu có hiệu quả nhất định.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã đổi mới nội dung, phương thức và thực hiện phương châm công tác: Chọn việc, chọn điểm, chọn mô hình, có tính đột phá, bước đầu đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, hiệu quả và hướng về cơ sở; quan tâm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên và nhân dân. Nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, phát huy các mô hình tự quản ở thôn, khu dân cư. Quan tâm, coi trọng công tác tập hợp, kết nạp, phát triển hội viên, đoàn viên mới⁷⁰.

B. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

I. HẠN CHẾ

⁶⁹ Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cung cấp 1.706 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 134 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để phục vụ tổ chức và công dân tham gia giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

⁷⁰ Ủy ban MTTQ tỉnh có 38 tổ chức thành viên, 87 ủy viên; Ủy ban MTTQ cấp huyện có 718 Ủy viên, Ủy ban MTTQ cấp xã có 9.175 ủy viên. Hội Nông dân kết nạp được 18.672 hội viên mới. Công đoàn các cấp kết nạp 70.357 đoàn viên mới. Hội Cựu chiến binh kết nạp 24.000 hội viên mới. Hội Liên hiệp Phụ nữ kết nạp 11.550 hội viên mới. Đoàn TNCS kết nạp 96.750 đoàn viên mới.

1. Lĩnh vực kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và môi trường, quốc phòng, an ninh, thanh tra, tư pháp, đối ngoại

Kinh tế tuy tăng trưởng khá nhưng chưa toàn diện, thiếu bền vững: tốc độ tăng trưởng chưa đều qua các năm; thu nhập của người dân chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế; tỷ lệ đô thị hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra (đạt 32,2% so với 33-35%); cơ cấu kinh tế phụ thuộc nhiều vào đầu tư nước ngoài, chất lượng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa cao, chủ yếu là gia công, lắp ráp, tỷ lệ nội địa hóa thấp; doanh nghiệp tư nhân số lượng ít, quy mô nhỏ; ngành nông nghiệp tốc độ tăng trưởng thấp so với bình quân chung cả nước (1,9% so với 2,91%/năm).

Việc thực hiện khâu đột phá chiến lược về cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chưa có chuyển biến rõ nét. Môi trường kinh doanh chậm được cải thiện, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (chỉ số PCI) thấp so với mặt bằng chung toàn quốc và các tỉnh trong vùng. Chất lượng một số đồ án quy hoạch còn hạn chế, kiến trúc cảnh quan đô thị, nông thôn còn thiếu đồng bộ. Việc huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển hiệu quả chưa cao, tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm còn chậm. Chưa khai thác hết lợi thế so sánh để thu hút các nhà đầu tư lớn vào địa bàn tỉnh. Sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng hàng hóa còn ít, lĩnh vực chế biến, bảo quản sau thu hoạch còn hạn chế. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của sản xuất. Quy mô, chất lượng một số loại hình dịch vụ chưa cao, sức cạnh tranh yếu.

Điều kiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học của một số trường chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới; hiệu quả xã hội hóa giáo dục chưa cao. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ở tuyến xã còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, nhân lực, tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên và mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn còn ở mức cao. Cơ cấu tổ chức, cơ chế tài chính của trung tâm y tế tuyến huyện (đa chức năng) còn bất cập, chưa phù hợp với mô hình hoạt động, xếp hạng đơn vị chưa được bộ, ngành Trung ương hướng dẫn kịp thời. Thiết chế văn hóa, thể thao ở các cấp còn thiếu đồng bộ. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, công tác đào tạo chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường.

Tỷ lệ đầu tư và giải ngân cho hoạt động khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương còn ở mức thấp (dưới 1%). Lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ chưa đa dạng, thành phần tham gia thực hiện trong doanh nghiệp và khu vực kinh tế tập thể chưa nhiều. Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép những năm đầu nhiệm kỳ còn gây bức xúc ở một số địa phương. Hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý nước thải các khu đô thị, khu dân cư tập trung còn nhiều hạn chế; nguy cơ ô nhiễm khu vực nông thôn, làng nghề ở mức cao. Việc xử lý nước thải, rác thải của các khu, cụm công nghiệp và một số doanh nghiệp chấp hành chưa nghiêm.

Việc đấu tranh, ngăn chặn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng còn chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Tình hình an ninh nông thôn vẫn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp, vẫn xảy ra tình trạng người dân

tập trung đông người, khiếu kiện vượt cấp. Các tệ nạn xã hội (nhất là ma túy và đánh bạc), tình hình tai nạn giao thông, cháy, nổ còn tiềm ẩn diễn biến khó lường. Tiến độ giải quyết các vụ việc dân sự và khiếu kiện hành chính ở một số đơn vị còn chậm. Công tác tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư có vụ việc còn chưa chính xác; việc giải quyết đơn thư thuộc thẩm quyền của một số đơn vị, địa phương còn chậm, chất lượng giải quyết chưa cao; một số vụ việc giải quyết chưa nghiêm dẫn đến tình trạng gửi đơn vượt cấp.

2. Lĩnh vực xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Công tác chính trị tư tưởng có lúc, có nơi chưa chủ động, chưa theo kịp với diễn biến của tình hình thế giới, khu vực, trong nước và trong tỉnh. Công tác quán triệt, triển khai chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã có nhiều đổi mới song chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn xảy ra, trong đó cá biệt có đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý. Việc học tập các chuyên đề về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong sinh hoạt chi bộ có nơi còn hình thức, hiệu quả làm theo chưa thật rõ nét. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế, chất lượng sinh hoạt chi bộ chưa cao, công tác quản lý đảng viên thiếu chặt chẽ; có nơi thực hiện chưa nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Công tác phát triển và củng cố tổ chức đảng trong các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân còn hạn chế. Kết nạp đảng viên mới ở một số địa phương còn chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

Công tác đánh giá cán bộ ở một số nơi chưa phản ánh đúng thực chất, còn biểu hiện nể nang, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể. Chương trình kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra chưa có trọng tâm, trọng điểm, nội dung kiểm tra còn dàn trải. Chất lượng một số cuộc kiểm tra, giám sát còn hạn chế. Có nơi chưa chú trọng nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, có biểu hiện nể nang, né tránh. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có nơi còn kéo dài, còn hiện tượng đùn đẩy giữa các cơ quan, giữa các cấp giải quyết; một số trường hợp vi phạm chưa được xử lý kỷ luật nghiêm túc. Việc thực hiện kết luận sau kiểm tra, giám sát có nơi còn chậm, chất lượng còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác dân vận để triển khai các chương trình, dự án,... liên quan đến quyền và lợi ích của nhân dân có nơi, có việc còn chưa chặt chẽ. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng đối với công tác nội chính chưa sâu sát. Công tác đấu tranh phát hiện, tự phát hiện tham nhũng hiệu quả thấp; chưa phát hiện được các vụ việc tiêu cực, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp có lúc, có nơi còn lúng túng, thiếu chủ động và không quyết liệt, sự phối hợp giữa các cấp chưa chặt chẽ. Công tác cải cách hành chính có mặt còn chưa đáp ứng so với yêu cầu. Hoạt động tái giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát chưa thường xuyên. Hoạt động chất vấn của hội đồng nhân dân các cấp, một số việc còn chưa đồng bộ và hiệu quả. Việc đổi mới hình thức tiếp công dân và tiếp xúc cử tri chưa được thực hiện rộng rãi trong toàn tỉnh. Công tác đôn đốc giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại của công dân chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Nội dung và phương thức tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân chưa theo kịp với yêu cầu của tình hình mới. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng hội viên, đoàn viên và nhân dân có lúc, có việc chưa kịp thời; chưa chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền để tháo gỡ, giải quyết. Việc tổ chức triển khai một số cuộc vận động, phong trào thi đua còn hình thức, hiệu quả chưa cao. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số nơi chưa thể hiện rõ trách nhiệm và chưa phát huy đầy đủ vai trò đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên và nhân dân; còn tình trạng hành chính hóa trong hoạt động.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới, khu vực và trên biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, tình trạng tranh chấp, bảo hộ thương mại giữa các nền kinh tế gia tăng. Lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý, nguồn lao động giá rẻ của tỉnh dần suy giảm. Một số chủ trương, cơ chế, chính sách điều hành kinh tế vĩ mô thay đổi nhanh, chưa sát thực tiễn làm cho việc tổ chức thực hiện ở địa phương bị động và lúng túng. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (nhất là về doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, xây dựng...) còn nhiều chồng chéo, mâu thuẫn, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và gây khó khăn trong hoạt động quản lý điều hành. Tình hình, diễn biến thời tiết, dịch bệnh khó lường đã ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống nhân dân; đặc biệt là tác động của đại dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi đã ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu phát triển của tỉnh, nhất là về tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước năm 2020 và tác động chung đến các chỉ tiêu của cả nhiệm kỳ⁷¹.

2. Nguyên nhân chủ quan

Việc lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa sâu sát, quyết liệt; việc cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có việc còn chậm. Việc kiểm tra, giám sát, thanh tra còn hạn chế; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu có lúc, có việc còn chưa cao. Việc phối hợp giữa các cấp, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể có việc thiếu chặt chẽ. Tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của một số cán bộ, đảng viên còn yếu; việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật ở một số nơi chưa nghiêm; một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện giảm sút ý chí phấn đấu, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Năng lực dự báo, dự đoán tình hình, tham mưu của các sở, ngành có việc còn yếu, chưa tạo được sự chủ động trong thực hiện nhiệm vụ. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành có lúc còn thiếu khoa học, lúng túng, bị động, chưa kiên quyết, chưa đổi mới trong phương thức quản lý, điều hành, nhất là đối với các lĩnh vực, nhiệm vụ khó khăn, phức tạp.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Nhìn chung, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng,

⁷¹ So với điều kiện không có dịch, năm 2020 tăng trưởng kinh tế giảm 4,2 điểm %, quy mô kinh tế giảm hơn 3.300 tỷ đồng.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong nhiệm kỳ qua khá tích cực, các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội cơ bản đều đạt, nhiều chỉ tiêu quan trọng vượt mục tiêu đề ra. Kinh tế tăng trưởng đạt cao hơn mức bình quân chung của cả nước, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng tích cực, thu ngân sách nhà nước gấp hai lần so với đầu nhiệm kỳ, từ năm 2017 tỉnh tự cân đối ngân sách. Hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hiện đại và tăng cường kết nối liên tỉnh; phát triển đô thị đạt kết quả nổi bật, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới vượt chỉ tiêu đề ra, diện mạo đô thị, nông thôn khởi sắc rõ nét. Văn hoá, xã hội có bước phát triển mới; an sinh, xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân được nâng lên. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác quốc phòng - quân sự địa phương được củng cố, tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, môi trường đầu tư, kinh doanh trên một số lĩnh vực chậm được cải thiện; việc triển khai các dự án đầu tư của một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn còn gặp khó khăn; tiến độ thực hiện một số công trình trọng điểm còn chậm. Tình trạng khiếu kiện vượt cấp vẫn diễn ra ở một số nơi. Vấn đề ô nhiễm môi trường, tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông vẫn diễn biến phức tạp; đại dịch Covid - 19, dịch tả lợn châu Phi tác động tiêu cực tới việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, thu ngân sách. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng và chất lượng của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển.

2. Một số kinh nghiệm

Một là, đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong mỗi cấp ủy, tổ chức đảng; tạo không khí dân chủ và môi trường thuận lợi nhằm phát huy sự chủ động, đổi mới, sáng tạo của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận cao của nhân dân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi đây là khâu đột phá quan trọng nhất trong công tác xây dựng Đảng. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực ngang tầm nhiệm vụ có trách nhiệm cao, khát vọng lớn, có tinh thần đổi mới sáng tạo, hành động quyết liệt, đóng góp hiệu quả cao cho sự phát triển của tỉnh và mỗi địa phương, đơn vị.

Ba là, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đồng thời siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ và chức trách được giao; đặc biệt, đề cao vai trò của người đứng đầu. Người đứng đầu phải thực sự gương mẫu, có tư duy đổi mới, tầm nhìn, năng động, sáng tạo, sâu sát thực tiễn, không ngại khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nói đi đôi với làm, coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế trong công việc.

Bốn là, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cấp ủy, chính quyền,

các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và nhiệm vụ được giao; phát hiện kịp thời, kiểm tra và xử lý kỷ luật nghiêm minh các tập thể, cá nhân vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; chủ động nhận diện và kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Năm là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, luôn tuân thủ các quy định, quy chế, quy trình; chủ động, sáng tạo, quyết liệt, linh hoạt và “đeo bám” đến cùng mục tiêu đã đề ra; tập trung nguồn lực và sự chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, công trình trọng điểm để tạo ra động lực lớn cho kinh tế - xã hội; đồng thời, xác định rõ các điểm nghẽn cản trở sự phát triển để khắc phục kịp thời; nhanh nhạy ứng phó kịp thời, hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh. Khai thác tối đa mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh cùng với đẩy mạnh xã hội hóa, huy động cao nhất nguồn lực từ doanh nghiệp, người dân và từ bên ngoài để đẩy nhanh tốc độ phát triển.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2020 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030, 2035

A. DỰ BÁO BỐI CẢNH TÌNH HÌNH TRONG 5 NĂM TỚI

I. THUẬN LỢI

Trong 5 năm tới, dự báo khu vực châu Á-Thái Bình Dương, trong đó khu vực Đông Nam Á tiếp tục là khu vực phát triển năng động, đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế toàn cầu. Việc thực hiện các hiệp định thương mại, đầu tư quốc tế mà Việt Nam tham gia mở ra cơ hội mới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thời cơ mới cho phát triển. Trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục xu thế ổn định; Chính phủ tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia được nâng lên; chương trình chuyển đổi số quốc gia sẽ tạo điều kiện thuận lợi để có những bước phát triển mang tính đột phá. Trong tỉnh, những thành tựu, kinh nghiệm đã đạt được trong những năm qua, một số dự án lớn hoàn thành và đi vào hoạt động trong nhiệm kỳ tới, một số dự án hạ tầng giao thông kết nối liên vùng mở ra cơ hội hợp tác, thu hút đầu tư mới.

II. KHÓ KHĂN

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng cạnh tranh chiến lược, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và gay gắt hơn; các nước lớn vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau quyết liệt; cạnh tranh thương mại ngày càng gay gắt. Kinh tế thế giới tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng và suy thoái do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Khu vực Đông Nam Á có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc tiềm ẩn nhiều bất ổn, nhất là tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông ngày càng căng thẳng, quyết liệt hơn. Ở

trong nước, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn thách thức, xu hướng già hóa dân số nhanh, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường ngày càng tác động mạnh, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển của đất nước. Kinh tế của tỉnh chưa có sự phát triển bứt phá so với tiềm năng, thế mạnh; môi trường đầu tư, kinh doanh chậm được cải thiện, thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, cải cách hành chính chậm, thiếu quyết liệt trong hành động vẫn là điểm nghẽn của phát triển. Tình hình trên đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, đòi hỏi toàn Đảng bộ phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để phát triển nhanh và bền vững hơn nữa.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU NHIỆM KỲ 2020 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 VÀ NĂM 2035

I. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; phát huy dân chủ, ý chí, khát vọng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, nhất là về vị trí địa lý, di sản văn hóa và bản sắc con người xứ Đông nhằm phát triển Hải Dương nhanh và bền vững theo hướng tăng trưởng xanh, với ba trụ cột: công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ; nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao; dịch vụ chất lượng cao. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa quê hương; củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2030, Hải Dương cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, năm 2035 là thành phố trực thuộc Trung ương.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2020 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân 8,5% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 120 triệu đồng (tương đương 4.800USD), năm 2030 đạt 200 triệu đồng (tương đương 7.700 USD).

2. Thu nhập thực tế bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 90 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 150 triệu đồng.

3. Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 6%, công nghiệp - xây dựng 64,5%, dịch vụ 29,5%; đến năm 2030 là: 4,5% - 65,5% - 30%. Cơ cấu lao động tương ứng trong từng lĩnh vực đến năm 2025: 19% - 50,5% - 30,5%, năm 2030: 14,5% - 53,0% - 32,5%.

4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ năm 2025 đạt 33% (đến năm 2030 đạt 43%); tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội phần đầu đạt 55% (đến năm 2030 phấn đấu đạt 65%), tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đến năm 2025 đạt 95% (đến năm 2030 đạt trên 99%).

5. Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 50%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt 7,5%/năm.

6. Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới hằng năm tăng từ 15% trở lên.
7. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 180 triệu đồng; năm 2030 đạt 210 triệu đồng.
8. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025 đạt 20%.
9. Thu ngân sách nội địa tăng bình quân 10%/năm.
10. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 45%, năm 2030 đạt trên 60%.
11. Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2025 đạt 0,77; đến năm 2030 đạt 0,80.
12. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2025: Mầm non: 70%; Tiểu học: 98,7%; THCS: 95%; THPT: 80%.
13. Năm 2025: Số giường bệnh (không tính các trạm y tế cấp xã) đạt 36 giường/vạn dân (năm 2030 là 40,4 giường/1 vạn dân); 10 bác sĩ/vạn dân (năm 2030 là 11 bác sĩ/1 vạn dân).
14. Phần đầu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới; vào năm 2025 tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 3% - 4%, tỷ lệ thiếu việc làm giảm còn 2%.
15. Duy trì tỷ lệ 90% làng, khu dân cư văn hóa, 85% cơ quan văn hoá trở lên.
16. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 vào năm 2025 đạt 100%.
17. Năm 2025, 100% các cụm công nghiệp (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu; 100% các doanh nghiệp thuộc đối tượng được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.
18. Hằng năm, có từ 80% tổ chức cơ sở đảng và 90% tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
19. Mỗi năm kết nạp từ 2.200 đảng viên mới trở lên.

III. XÁC ĐỊNH KHÂU ĐỘT PHÁ TRONG NHIỆM KỲ

1. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thu hút các nhà đầu tư lớn đến với tỉnh, đồng thời chú trọng hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Huy động đa dạng các nguồn lực phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình giao thông trọng điểm, đô thị thông minh và nông thôn mới kiểu mẫu.
3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; nêu cao vai trò gương mẫu, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người đứng đầu đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH, THANH TRA, TƯ PHÁP, ĐỐI NGOẠI

1. Phát triển kinh tế

Chủ động thích ứng với trạng thái "bình thường mới", khắc phục ảnh hưởng tiêu cực do tác động của đại dịch Covid-19 để sớm hồi phục và lấy lại đà phát triển kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, đồng thời tiếp cận nhanh với kinh tế số.

1.1. Phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

Tập trung xây dựng các dự án, đề án để đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; tích tụ ruộng đất và hình thành các vùng sản xuất tập trung. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, trong đó chú trọng việc chuyển đổi và sử dụng linh hoạt đất trồng lúa sang trồng cây rau màu, cây hàng năm khác có hiệu quả kinh tế cao hơn nhằm bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế và an ninh lương thực. Quy hoạch, phát triển các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh ở những địa phương có lợi thế. Đổi mới tổ chức sản xuất, gắn sản xuất với thị trường trên cơ sở tích tụ đất đai, thu hút các doanh nghiệp đầu tư hình thành các liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ. Quan tâm đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế. Phân đấu giá trị tăng thêm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,7%/năm trở lên.

Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát chất lượng nông sản; quan tâm phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, kỹ thuật canh tác và cơ giới hóa trong sản xuất, bảo quản, chế biến sau thu hoạch; phát triển mô hình chăn nuôi, thủy sản tập trung, sản xuất theo quy trình GAP để tạo đột phá trong thực hiện tái cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, gắn với truy xuất nguồn gốc, giám sát an toàn thực phẩm. Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động và thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân khu vực nông thôn. Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại.

1.2. Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và nâng cao chất lượng ngành xây dựng

Tập trung thu hút đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đồng bộ, hiện đại; phân đấu giai đoạn 2020 - 2025 lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư hạ tầng từ 3÷5 khu công nghiệp, 7÷10 cụm công nghiệp mới với diện tích khoảng 1.500ha. Chủ động thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài có chọn lọc, chất lượng, ưu tiên các dự án có trình độ công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đóng góp lớn cho ngân sách. Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, tạo sự liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển tiểu thủ công

ng nghiệp và làng nghề, thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh đã ban hành. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm; thực hiện chính sách khuyến công cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tiêu thủ công nghiệp, làng nghề. Phấn đấu giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng bình quân 10,5%/năm trở lên.

Tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực sản xuất ngành xây dựng; khuyến khích nghiên cứu, phát triển và sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới. Tăng cường công tác quản lý thị trường bất động sản, quản lý trật tự xây dựng, nhất là tại khu vực đô thị; đảm bảo quản lý đồng bộ các công trình xây dựng và công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu đô thị theo đúng quy hoạch và các quy định khác.

1.3. Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng

Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư - thương mại; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, lợi thế phát triển dịch vụ của tỉnh. Chú trọng nghiên cứu xây dựng, ban hành và triển khai các chính sách của tỉnh để khuyến khích, tạo điều kiện thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào một số lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng phát triển⁷². Phát triển đồng bộ các loại thị trường, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển với quản lý thị trường dịch vụ bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, chống độc quyền. Phấn đấu giá trị tăng thêm dịch vụ tăng bình quân 7,6%/năm trở lên.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với ngành dịch vụ, chú trọng đầu tư các công trình hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ; phối hợp giữa nhà nước và doanh nghiệp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là lao động có trình độ cao trong ngành dịch vụ. Xây dựng, nâng cấp, phát triển hệ thống chợ theo quy hoạch, trong đó ưu tiên các chợ đầu mối. Thu hút đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị quy mô lớn, hiện đại tại các địa bàn trọng điểm có đông dân cư và các đô thị mới. Phát triển các loại hình thương mại tiện ích, trung tâm mua sắm; đa dạng hóa phương thức giao dịch như: thanh toán điện tử, bán hàng trực tuyến... Khai thác tốt thị trường tiêu thụ trong tỉnh. Duy trì và giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống, tích cực thâm nhập các thị lớn như: Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thu hút mọi nguồn lực đầu tư cho du lịch để phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng; phát triển các khu, điểm du lịch có hệ thống hạ tầng kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu. Lập quy hoạch chi tiết và triển khai cải tạo, nâng cấp hạ tầng một số khu, điểm du lịch có giá trị để từng bước hình thành các sản phẩm du lịch có chất lượng và đặc thù⁷³. Đẩy mạnh quảng bá,

⁷² Như: viễn thông, du lịch, vận tải, tư vấn, kho vận logistic, dịch vụ thể thao,...

⁷³ Một số điểm du lịch tâm linh với nhiều danh lam thắng cảnh: Côn Sơn- Kiếp Bạc, đền Chu Văn An (Chí Linh); An Phụ - Kinh Chủ (Kinh Môn); đền Tranh, đền Khúc Thừa Dụ (Ninh Giang); Văn Miếu Mao Điền, đền Bia, chùa Giám, đền Xưa (Cầm Giàng); đền Mạc Đình Chi (Nam Sách)...; điểm du lịch tại những vùng sinh thái hấp dẫn như: Đảo Cò Chi Lãng Nam (Thanh Miện), Sông Hương (Thanh Hà)...; điểm du lịch làng nghề nổi tiếng như: làng múa rối nước Hồng Phong (Ninh Giang), Thanh Hải (Thanh Hà); gốm Chu Đậu (Nam Sách); chạm khắc gỗ Đông Giao (Cầm Giàng); thêu Xuân Nêo (Tứ Kỳ)...

xúc tiến du lịch; tăng cường liên kết, phối hợp phát triển du lịch với các tỉnh trong vùng du lịch đồng bằng sông Hồng.

Mở rộng mạng lưới kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ bảo hiểm; phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả. Khuyến khích các loại hình dịch vụ chất lượng cao như: công nghệ thông tin, viễn thông, y tế, tư vấn, giáo dục và đào tạo, văn hóa, dịch vụ an sinh xã hội. Mở rộng hệ thống dịch vụ bưu chính - viễn thông ở khu vực nông thôn. Phát triển mạng lưới xe buýt, mạng lưới vận tải, các bến xe theo quy hoạch; nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách, thay thế phương tiện vận tải các tuyến buýt, tuyến cố định, dịch vụ taxi bằng các xe chất lượng cao.

1.4. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

Tạo bước đột phá về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; phần đầu Hải Dương là một trong số 20 tỉnh, thành phố có thứ hạng cao nhất về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số cải cách hành chính. Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho một số doanh nghiệp lớn trong nước, có uy tín đang đầu tư trên địa bàn tỉnh phát triển trở thành doanh nghiệp đầu tàu, có quy mô vùng, liên vùng hoặc tầm cỡ quốc gia để dẫn dắt các doanh nghiệp trong tỉnh phát triển.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp chống thất thu ngân sách; tạo lập các nguồn thu mới, nhất là nguồn thu lớn có tính bền vững. Siết chặt kỷ cương, thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý thu chi ngân sách. Huy động tối đa các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là các nguồn vốn từ các doanh nghiệp, thực hiện đa dạng các hình thức đầu tư, nhất là hợp tác công - tư (PPP). Chú trọng thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, ưu đãi nhằm nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Thành lập và tổ chức hoạt động có hiệu quả Quỹ phát triển đất, đảm bảo quỹ đất sạch để chủ động tiếp nhận và rút ngắn thời gian triển khai thực hiện của các dự án đầu tư; kiên quyết xử lý kịp thời đối với các dự án chậm tiến độ theo quy định.

**** Định hướng thu hút và bố trí vốn đầu tư phát triển***

Chú trọng thu hút đầu tư từ các quốc gia có nền kinh tế lớn, có tiềm lực về vốn, công nghệ, trình độ quản lý; các công ty đa quốc gia, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới, các công ty, tập đoàn lớn trong nước. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực, dự án có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng cao gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, tạo nguồn thu tốt cho ngân sách. Trong lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất cây, con giống; ứng dụng công nghệ sinh học, bảo quản và chế biến nông sản; xây dựng các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến. Trong công nghiệp, tập trung thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã quy hoạch, ưu tiên thu hút đầu tư vào sản xuất các sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ sinh học, công nghiệp hỗ trợ, các sản phẩm

cơ khí, điện, điện tử, vật liệu xây dựng mới, thuốc chữa bệnh cho người, năng lượng tái tạo... Trong lĩnh vực dịch vụ, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực: thương mại, siêu thị, khách sạn, nhà hàng, du lịch, tài chính, vận tải, viễn thông, bảo hiểm, tư vấn, khoa học và công nghệ, giáo dục, đào tạo, y tế chất lượng cao...

Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Bố trí vốn đầu tư công theo thứ tự ưu tiên, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Tập trung hoàn thành các dự án trọng điểm đang triển khai; đầu tư nâng cấp, hoàn thiện một số công trình hạ tầng tạo điều kiện trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, như: hạ tầng du lịch, hạ tầng giao thông ngoài khu, cụm công nghiệp (điểm đầu nối, đường gom), hạ tầng phục vụ sản xuất, hạ tầng phúc lợi công cộng, cải tạo nâng cấp một số tuyến đê kết hợp với đường giao thông... Lập một số dự án để kêu gọi đầu tư cho giai đoạn 2020 - 2025 và đến năm 2030.

*** Các công trình trọng điểm nhiệm kỳ 2020 - 2025:**

(1). Tuyến giao thông kết nối đường tỉnh 392 với đường tỉnh 386.

(2). Trung tâm đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao thuộc Khu liên hợp văn hóa thể thao tỉnh.

(3). Hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công nghệ thông tin của chính quyền điện tử và đô thị thông minh.

1.5. Phát triển các thành phần kinh tế

Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Tạo môi trường bình đẳng, thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh. Xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước sau sắp xếp. Rà soát, bổ sung hoàn thiện quy chế phối hợp quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giải quyết khó khăn, vướng mắc, nhất là những tác động tiêu cực do đại dịch Covid-19 tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh. Hình thành và quản lý, khai thác có hiệu quả Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tiếp tục thực hiện tốt công tác hỗ trợ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, kiểu dáng sản phẩm, xuất xứ hàng hóa đối với các doanh nghiệp. Triển khai thực hiện tốt Luật Hợp tác xã; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hợp tác xã. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình.

1.6. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển đô thị theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh, hiện đại

Hoàn thành việc lập, triển khai quy hoạch tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch trên địa bàn. Chú trọng quy hoạch hệ thống giao thông đối ngoại, hệ thống giao thông kết nối các địa phương trong tỉnh, quy hoạch các đô thị động lực, quy hoạch hạ tầng công nghệ thông tin. Triển khai quy hoạch trực không gian phát triển Bắc - Nam mới, có phương án, lộ trình thu hút đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu thương mại

dịch vụ. Xây dựng các đô thị theo hướng thông minh hiện đại, hạ tầng đồng bộ, bền vững; đảm bảo đô thị có nhiều công trình kiến trúc điểm nhấn, nhiều không gian công cộng, công viên, cây xanh... để nâng cao chất lượng sống của người dân. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải tập trung cho các đô thị và khu vực trên địa bàn tỉnh, góp phần cải tạo môi trường sống của nhân dân.

Thực hiện nâng cấp và phân đầu xây dựng các huyện Bình Giang, Nam Sách đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025; các huyện: Cẩm Giàng, Gia Lộc, Thanh Miện, Kim Thành, Ninh Giang trở thành đô thị loại IV, thị xã Kinh Môn đạt tiêu chí đô thị loại III và thành phố Chí Linh đạt tiêu chí đô thị loại II trước năm 2030; nâng cấp các xã có điều kiện kinh tế phát triển trên địa bàn tỉnh trở thành đô thị loại V theo lộ trình phát triển đô thị. Khuyến khích xây dựng nhà cao tầng, tăng diện tích cây xanh, đất giao thông, đất xây dựng hạ tầng xã hội ở các khu dân cư, đô thị mới. Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại I của thành phố Hải Dương, tập trung cải tạo chỉnh trang khu trung tâm thành phố, đồng thời mở rộng không gian phát triển đô thị hai bên bờ sông Thái Bình, sông Sắt. Tập trung phát triển các thành phố Hải Dương, Chí Linh, thị xã Kinh Môn theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh, hiện đại. Tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin định hướng phát triển đô thị nhằm huy động các nguồn lực xã hội đầu tư chỉnh trang, phát triển đô thị. Phân đầu xây dựng đến năm 2035 Hải Dương trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Phát triển văn hoá - xã hội

2.1. Tiếp tục đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo

Tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo về nội dung, chương trình giáo dục, về phương thức dạy và học, về đánh giá chất lượng giáo dục; nhất là, chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện phổ cập giáo dục, đảm bảo về số lượng và nâng cao về chất lượng. Giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng học sinh giỏi; nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh. Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới giáo dục và đào tạo theo chủ trương thu gọn các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, gắn với thực hiện tốt mục tiêu xây dựng xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hóa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, triển khai thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học. Cơ cấu lại, củng cố và nâng cao chất lượng mạng lưới các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư, chăm lo cho giáo dục và đào tạo. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

2.2. Tập trung cho công tác y tế, dân số

Tăng cường thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, chủ động phòng, chống các loại dịch bệnh; tiếp tục duy trì tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19; đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân, trước hết là cán bộ, đảng viên đi đầu trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Triển khai thực hiện có

hiệu quả kế hoạch xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho các cơ sở y tế tuyến huyện, xã; đồng thời thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội hóa, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào hoạt động y, dược tư nhân. Nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh; tập trung đầu tư cho một số chuyên khoa sâu tại bệnh viện tuyến tỉnh. Có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư xây dựng một số bệnh viện chất lượng cao tại tỉnh; ổn định và thu hút đội ngũ bác sĩ, dược sĩ đại học có trình độ chuyên môn cao về tỉnh công tác. Quan tâm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số, công tác vệ sinh môi trường... đảm bảo nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.3. Tăng cường đầu tư các thiết chế văn hoá, thể thao; xây dựng con người Hải Dương trong thời kỳ mới

Xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chăm lo xây dựng con người xứ Đông - Hải Dương phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng về tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, khát vọng phát triển, đạo đức, lối sống và nhân cách. Quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, cách mạng. Phát triển và hoàn thiện đồng bộ các thiết chế văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cho xây dựng, phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao; tạo điều kiện cho văn hoá, thể thao phát triển đúng hướng và vững chắc trong thời kỳ mới.

Quan tâm đầu tư cho thể thao thành tích cao. Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý, đào tạo và huấn luyện; nâng cao thành tích của vận động viên các môn thể thao truyền thống, trọng điểm loại I, loại II của tỉnh đạt nhiều thành tích xuất sắc tại các giải quốc gia; quyết tâm giữ vững vị trí trong top 10 tỉnh, thành, ngành có thành tích thể thao cao nhất tại các kỳ Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc.

2.4. Tập trung các nguồn lực phát triển thông tin, truyền thông; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông. Triển khai Đề án Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Nâng cao chất lượng, số lượng dịch vụ và đẩy mạnh thu hút người sử dụng các dịch vụ về thông tin, truyền thông⁷⁴. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực thông tin và truyền thông, trong đó ưu tiên, tập trung lĩnh vực công nghệ thông tin, tạo khâu đột phá trong xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh của tỉnh. Thúc đẩy phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng là hạ tầng chuyển phát và hạ tầng logistics để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số. Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, an toàn, tiết kiệm

⁷⁴ Mục tiêu đến năm 2025, 100% diện tích của tỉnh được phủ sóng mạng di động 3G và 4G, 5G; ngầm hóa 90% hạ tầng mạng ngoại vi tại các khu đô thị trên địa bàn toàn tỉnh; Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động đạt 130 máy/100 dân; Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định đạt 25 thuê bao/100 dân; Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động đạt 45 thuê bao/100 dân; Tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet đạt 70%; Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 80-90%; 100% thôn có loa truyền thanh, phủ sóng 100% số hộ gia đình.

năng lượng, thân thiện với môi trường, có dung lượng lớn, tốc độ cao, chất lượng tốt góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Từng bước thực hiện chuyển đổi số từ chính quyền đến xã hội, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, thương mại điện tử, đô thị thông minh của tỉnh; từng bước hình thành “công dân điện tử” để khai thác hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến, đô thị thông minh và thương mại điện tử. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các tổ chức công nghệ thông tin và truyền thông, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để đầu tư phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.

2.5. Quan tâm thực hiện tốt công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội

Quan tâm đầu tư và tổ chức thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, trọng tâm là giải quyết việc làm, thực hiện chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội và giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần ổn định xã hội, tạo động lực phát triển kinh tế.

Quan tâm thu hút đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, phân đầu hình thành được Trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao; đổi mới nội dung, phương thức đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Hoàn thiện, phát triển thị trường lao động, chú trọng công tác hướng nghiệp, dự báo, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cung - cầu lao động; phân đầu mỗi năm xuất khẩu lao động trên 4.800 người và giải quyết việc làm mới cho 36.000 người. Tăng cường quản lý nhà nước về lao động; đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của người lao động.

Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp; tích cực phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội, phân đầu không còn gia đình chính sách, người có công là hộ nghèo. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống của người nghèo. Triển khai các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy, tín dụng đen, cho vay nặng lãi.

3. Quản lý khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường

3.1. Nâng cao năng lực ứng dụng khoa học và công nghệ

Tập trung nguồn lực khoa học và công nghệ của tỉnh cho các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng triển khai. Trong đó, chú trọng việc ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ vào các ngành kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là lĩnh vực nông nghiệp. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ trên cơ sở có sự quan tâm đến các lĩnh vực công nghệ kỹ thuật số, công nghệ tiếp cận cách

mạng Công nghiệp lần thứ tư⁷⁵. Đồng thời, ưu tiên nghiên cứu, giải quyết những vấn đề có tính cấp bách của tỉnh như bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng nông thôn mới nâng cao, giải quyết ô nhiễm môi trường; khuyến khích khởi nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức nghiên cứu trong việc nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, đời sống.

3.2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các loại tài nguyên

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; quy hoạch về khai thác, sử dụng khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo lợi ích trước mắt và lâu dài. Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản; rà soát, bổ sung các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển của các ngành, các lĩnh vực.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý đối với các công trình, dự án, các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật đất đai. Thực hiện công tác giao đất, cho thuê đất, cấp phép khai thác khoáng sản... theo hình thức đấu thầu, đấu giá đảm bảo quy định của pháp luật. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân.

3.3. Tập trung các biện pháp nâng cao năng lực quản lý và bảo vệ môi trường

Tập trung đầu tư công trình thoát nước và xử lý nước thải khu vực đô thị, ưu tiên các đô thị loại IV trở lên. Xây dựng mô hình thí điểm quản lý rác thải tại nguồn với sự kết hợp đồng bộ từ khâu phân loại đến vận chuyển và xử lý. Thu hút đầu tư xây dựng khu xử lý rác thải tập trung sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo môi trường. Kiểm soát chất lượng không khí khu vực đô thị. Nâng cao độ che phủ cây xanh, thảm thực vật tại các khu vực đô thị, tạo không gian xanh để bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh thu gom và xử lý các loại chất thải trong sinh hoạt, nông nghiệp và chăn nuôi. Bảo vệ, gìn giữ hệ thống kênh, mương, ao, hồ đảm bảo tiêu thoát nước, môi trường sinh thái; xử lý triệt để các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật. Kiểm soát chặt chẽ từ khâu thẩm định dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành công trình xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp; tiếp tục lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động theo đề án đã được phê duyệt; rà soát, đánh giá công nghệ sản xuất, khuyến khích cải tiến, đưa công nghệ mới, công nghệ thân thiện với môi trường vào sản xuất; không cho phép đầu tư các dự án có công nghệ cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác bảo vệ đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Công tác quốc phòng, an ninh, thanh tra, tư pháp

4.1. Tập trung củng cố quốc phòng, quân sự địa phương

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu quả quản lý nhà nước về

⁷⁵ Như: công nghệ vạn vật kết nối Internet (IoT), công nghệ sinh học, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ...

công tác quốc phòng - quân sự địa phương. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ, Hội đồng cung cấp, tập trung xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ, công trình quân sự cấp tỉnh, cấp huyện; củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tích cực, chủ động phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình, duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; phối hợp thực hiện hiệu quả phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng cao. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, chỉ tiêu huy động lực lượng dự bị động viên, thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự. Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng, nâng cao chất lượng các cuộc diễn tập, hội thi, hội thao. Chăm lo thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh, có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, hoàn thành toàn diện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương trong tình hình mới.

4.2. Tăng cường đảm bảo an ninh, trật tự

Huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng ngừa tội phạm. Tăng cường công tác nắm, phân tích, dự báo, đánh giá tình hình, kịp thời triển khai các chủ trương, giải pháp giữ vững an ninh quốc gia trên địa bàn. Tiếp tục tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tập trung trấn áp mạnh tội phạm hình sự. Triển khai đồng bộ các giải pháp đấu tranh với tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật về kinh tế, ma túy, môi trường, hoạt động khai thác cát trái phép. Chấp hành nghiêm quy định của pháp luật trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, góp phần từng bước xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, trật tự. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tư pháp. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, kiểm chế tai nạn và ùn tắc giao thông. Chú trọng công tác phòng, chống cháy nổ, nhất là ở khu vực đông dân cư, các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ cháy, nổ cao.

Đổi mới nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và thực hiện Đề án “Xây dựng làng an toàn, khu dân cư an toàn; cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh, trật tự”. Tập trung củng cố, duy trì, nhân rộng và phát huy hiệu quả của các mô hình “Tự quản, tự phòng ngừa, tự bảo vệ về an ninh, trật tự”. Thực hiện hiệu quả chủ trương bố trí lực lượng Công an xã chính quy, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho lực lượng này hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4.3. Làm tốt công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở

Chỉ đạo tổ chức xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở. Quan tâm sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn

là những cán bộ có uy tín, phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm cao, am hiểu pháp luật, mẫn cán với công việc; đồng thời, có các chế độ ưu đãi phù hợp. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân; thực hiện niêm yết công khai nội quy, lịch tiếp công dân theo quy định. Tăng cường tổ chức đối thoại trong giải quyết khiếu nại, tố cáo nhằm đảm bảo khiếu nại, tố cáo được giải quyết thấu tình, đạt lý; chú trọng công tác hòa giải ở cơ sở.

4.4. Chú trọng thực hiện công tác tư pháp

Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật các cấp. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác hỗ trợ tư pháp. Quản lý chặt chẽ, hiệu quả tổ chức và hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật theo định hướng hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý và đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm khác nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các ngành tư pháp theo yêu cầu cải cách tư pháp. Nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa; phối hợp chặt chẽ, giải quyết kịp thời, nghiêm minh các vụ án trọng điểm, án đặc biệt nghiêm trọng, dư luận xã hội quan tâm. Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức giám định tư pháp.

5. Tăng cường công tác đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác lâu năm, đối tác truyền thống; đưa các mối quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen, gắn kết giữa lợi ích của tỉnh với các đối tác. Xúc tiến việc thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác mới với các địa phương nước ngoài có những đặc điểm tương đồng với tỉnh Hải Dương và có tiềm năng, thế mạnh trong việc hợp tác phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, đồng thời thúc đẩy hợp tác với các tổ chức có tiềm năng của nước ngoài.

Tiếp tục thúc đẩy các hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại thông qua việc nâng cao và quảng bá hình ảnh của tỉnh; đồng hành cùng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thúc đẩy hợp tác quốc tế, tìm kiếm và mở rộng thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài, tranh thủ tri thức và tài chính của kiều bào đóng góp cho sự phát triển của tỉnh; tích cực giới thiệu văn hóa, mở rộng hợp tác thể thao - du lịch, đa dạng hóa các hình thức thông tin, tăng cường khai thác công nghệ truyền thông mới, kịp thời triển khai hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền về các hoạt động đối ngoại, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Đổi mới, triển khai tích cực các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần củng cố, tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và hiểu biết với nhân dân các nước; mở rộng quan hệ với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, nâng cao hiệu quả công tác vận động và quản lý nguồn lực phi chính phủ nước ngoài. Tiếp tục chủ động thực hiện công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức các hoạt động gắn kết giữa địa phương với kiều bào theo tinh thần đại đoàn kết dân tộc; tiếp tục thực hiện vận động cộng đồng người Hải Dương ở nước ngoài hướng

về quê hương, đất nước, tích cực tham gia đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng mối quan hệ gắn bó đối với các tỉnh, thành phố trong vùng, nhất là các địa phương lân cận để khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Công tác xây dựng Đảng

1.1 *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh*

1.1.1. *Tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị*

Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tính chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới và tuân thủ những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực dự báo và khả năng xây dựng chiến lược phát triển với tầm nhìn dài hạn và khát vọng lớn, nhất là đối với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kịp thời cụ thể hóa, triển khai đúng đắn, sáng tạo, hiệu quả các nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khắc phục yếu kém, chậm trễ trong tổ chức thực hiện.

1.1.2. *Tăng cường xây dựng Đảng về tư tưởng*

Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, thực hiện tốt phương châm “Toàn Đảng làm công tác tư tưởng”; gắn công tác tư tưởng với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và các quy định về nêu gương; đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng theo hướng tăng cường tiếp xúc, đối thoại, giải thích, định hướng tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Gắn kết chặt chẽ công tác tư tưởng với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đổi mới và nâng cao chất lượng học tập, quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; phát huy vai trò đội ngũ báo cáo viên, đặc biệt là vai trò bí thư cấp ủy. Tiếp tục đổi mới việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện theo hướng bám sát nội dung, yêu cầu, phạm vi của nghị quyết để định hướng các cấp, các ngành xây dựng cho phù hợp, rõ việc, rõ cơ quan chịu trách nhiệm và thời gian thực hiện. Nâng cao chất lượng nắm bắt dư luận xã hội, tăng cường công tác đấu tranh trên không gian mạng; mở rộng hình thức thông tin đối ngoại. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; coi trọng giáo dục đạo đức công dân, giáo dục truyền thống trong các trường học, trong thanh thiếu niên.

1.1.3. *Xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức*

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Sơ kết, tổng kết các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy để triển

khai nhân rộng các mô hình tốt, phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; không ngừng đổi mới nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng tổ chức đảng; tiếp tục kiện toàn các mô hình tổ chức đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới. Quan tâm xây dựng, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cấp ủy, chính quyền; thực hiện nghiêm quy chế làm việc của các cấp ủy, nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình; đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện tiêu cực.

Chú trọng phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong các loại hình doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân. Tăng cường công tác quản lý đảng viên ở cả nơi công tác và nơi cư trú, tiếp tục thực hiện tốt việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên; đồng thời thường xuyên rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách và uy tín. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, đảng bộ; tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy cấp trên cơ sở; làm tốt công tác thi đua khen thưởng, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên hằng năm một cách thực chất, hiệu quả.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả công tác cán bộ. Xây dựng đồng bộ, toàn diện đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp, tinh thần đổi mới, sáng tạo, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ ở các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; khẩn trương cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, cơ cấu hợp lý. Chú trọng nâng cao chất lượng bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp và đội ngũ cán bộ cấp xã. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các khâu của công tác cán bộ.

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ đảm bảo đúng thực chất. Chú trọng làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Các cấp ủy xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ cho cả nhiệm kỳ và hằng năm để tổ chức thực hiện; trong đó, ưu tiên xem xét luân chuyển cán bộ trẻ, có năng lực, triển vọng, trong quy hoạch các chức danh chủ chốt các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; gắn luân chuyển với thực hiện chủ trương bố trí cán bộ chủ chốt không là người địa phương và cán bộ không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp ở cùng một địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm quy định về phân cấp quản lý và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Đổi mới công tác bổ nhiệm theo hướng thi tuyển. Coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm chắc lịch sử chính trị và tập trung vào vấn đề chính trị hiện nay của cán bộ.

1.1.4. Nâng cao hiệu quả xây dựng Đảng về đạo đức

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII

về xây dựng, chỉnh đốn Đảng với các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt và đồng bộ, tạo chuyển biến tích cực để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; chú trọng giáo dục, rèn luyện giữ vững phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, tiên phong, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên gắn với củng cố tổ chức cơ sở đảng. Kiên quyết đưa ra khỏi đảng những đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cố tình vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thiết thực, thường xuyên; nâng cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; gắn việc làm theo gương Bác với thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức và cá nhân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, biểu dương, khen thưởng kịp thời gương người tốt, việc tốt trong Đảng và trong nhân dân, nhất là những tấm gương cán bộ, đảng viên gương mẫu đi đầu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dốc lòng, dốc sức vì cộng đồng.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng quy trình, có trọng tâm, trọng điểm và mở rộng giám sát để phòng ngừa vi phạm. Tăng cường kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, việc thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng viên. Coi trọng kiểm tra, giám sát đối với những lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm trong quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, tài chính, tài sản... Chú trọng kiểm tra, giám sát về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Phát huy tốt vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát. Quan tâm giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, khắc phục tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp. Chú trọng giải quyết và xử lý tình hình đối với những nơi có vấn đề nổi cộm, bức xúc trong nhân dân, nhằm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Xử lý kỷ luật nghiêm đối với những tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm; kịp thời ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

1.3. Đổi mới công tác dân vận theo hướng thiết thực, sáng tạo, hướng đến mục tiêu đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là các cơ quan khối chính quyền trong việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tập trung hướng về cơ sở, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; phát huy quyền làm chủ và sức sáng tạo của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, thực hiện tốt

công tác dân vận chính quyền. Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường công tác đối thoại, lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất, kiến nghị của nhân dân ngay từ cơ sở.

1.4. Nâng cao chất lượng công tác nội chính; kiên quyết, kiên trì trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng. Tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt công tác phòng ngừa các vụ việc nổi cộm, phức tạp, khiêu khích đông người; chỉ đạo chính quyền địa phương phối hợp với các cơ quan nội chính xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các dự án lớn có ảnh hưởng tới nhiều người dân để đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, hạn chế các sai sót của chính quyền trong thực hiện các dự án.

Tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kịp thời ban hành các quy chế, quy định nhằm khắc phục sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý, nhất là các lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng. Thực hiện công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính, hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Đánh giá dư luận về việc thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Thực hiện tốt công tác kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo quy định. Tập trung chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, chuyển cơ quan điều tra xác minh, kết luận và xét xử nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Phát huy vai trò tích cực của các cơ quan báo chí, các tổ chức xã hội, phản ánh, kiến nghị của người dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

1.5. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, kịp thời, đúng đắn của cấp ủy, tổ chức đảng. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cấp ủy, cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy từ tỉnh tới cơ sở; xây dựng và thực hiện phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, trọng dân, gần dân, hiểu dân, vì dân, bám sát thực tiễn, chịu khó học hỏi, nói đi đôi với làm. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền cho cấp ủy cấp dưới, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; tạo cơ chế và phát huy tốt sự chủ động, sáng tạo, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; trong tổ chức thực hiện cần xác định rõ việc, rõ người, rõ lộ trình, rõ hiệu quả, rõ trách nhiệm.

Đổi mới việc tổ chức quán triệt, triển khai các nghị quyết của Trung ương và ban hành các nghị quyết của các cấp ủy, tổ chức đảng theo hướng thiết thực, trọng tâm, trọng điểm, ngắn gọn, khả thi; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, cùng với việc tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ

thị. Các cấp ủy từ tỉnh tới cơ sở, các ban cán sự đảng, đảng đoàn rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và thực hiện làm việc theo quy chế. Thực hiện nghiêm quy định về người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tiếp xúc, đối thoại với nhân dân. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc kiểm điểm và gợi ý kiểm điểm hằng năm với các cơ quan, địa phương, đơn vị; đánh giá kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, địa phương, đơn vị theo định kỳ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cấp ủy đảng.

2. Công tác xây dựng chính quyền

2.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân

Đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân nhằm nâng cao chất lượng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương. Hoạt động giám sát, chất vấn cần đảm bảo hợp lý, khoa học, đổi mới theo hướng kết hợp nhiều hình thức giám sát, tham khảo ý kiến nhân dân và các chuyên gia. Tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và năng lực của đại biểu hội đồng nhân dân, nhất là các đại biểu hoạt động chuyên trách. Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực có chất lượng, có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ để giới thiệu ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, giảm số lượng đại biểu kiêm nhiệm công tác tại các cơ quan hành chính nhà nước.

2.2. Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành; tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của ủy ban nhân dân các cấp. Phân công, phân cấp và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn trong việc tham mưu và thực hiện chức năng quản lý trên lĩnh vực được giao phụ trách; xác định rõ hơn nhiệm vụ quản lý của mỗi cấp, mỗi ngành và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền các cấp. Hoàn thiện cơ chế để nhân dân tham gia giám sát hoạt động của cơ quan hành chính các cấp. Tăng cường quản lý, điều hành bằng quy chế, quy định, các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền. Triển khai có hiệu quả Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính ở các cấp, các ngành; có biện pháp tiếp nhận phản ánh về hành vi tiêu cực của cán bộ, công chức và xử lý nghiêm các sai phạm.

2.3. Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, cải thiện quan hệ của cơ quan hành chính với nhân dân và doanh nghiệp

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo hướng hiện đại; thực hiện rà soát, đơn giản hóa, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, trọng tâm là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống, sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Phấn đấu đạt thứ hạng khá trong toàn quốc về các chỉ số: chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp

tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

2.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao trình độ, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách chế độ công vụ và nâng cao ý thức, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương và chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ; thu hút đội ngũ chuyên gia giỏi, nhân lực chất lượng cao.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Đổi mới, đa dạng các hình thức, nội dung tuyên truyền, vận động thiết thực cho hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động, tập hợp hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân; không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc. Phát huy vai trò của các cá nhân tiêu biểu làm nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh. Phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân, tiếp tục xây dựng, nhân rộng hiệu quả mô hình tự quản ở thôn, khu dân cư, các loại hình câu lạc bộ. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; giám sát và phản biện xã hội; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm. Tăng cường phối hợp tổ chức các diễn đàn nhân dân; phối hợp tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với nhân dân; tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của nhân dân đối với kết quả hội nghị tiếp xúc, đối thoại để trao đổi tiếp thu và kịp thời tháo gỡ, giải quyết những ý kiến, kiến nghị của nhân dân.

Nhiệm vụ đặt ra cho nhiệm kỳ 2020 - 2025 và những năm tiếp theo là hết sức nặng nề với nhiều khó khăn, thách thức. Với truyền thống cách mạng và anh hùng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hải Dương tiếp tục tăng cường đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đề ra; xây dựng tỉnh Hải Dương ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, phát triển bền vững; nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

T/M BAN CHẤP HÀNH

Biểu 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVI (NHIỆM KỲ 2015 - 2020)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Thực hiện		So với mục tiêu Đại hội
			Đến năm 2020	Bình quân (2016-2020)	Ước 2020	Bình quân (2016-2020)	
1	Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%		8-8,5		8,4	Đạt
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%				1,9	
	- Công nghiệp - xây dựng	%				11,3	
	- Dịch vụ	%				6,3	
2	Cơ cấu GRDP						Vượt
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	11		9,1		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	56		59,5		
	- Dịch vụ	%	33		31,4		
3	GRDP bình quân đầu người	USD	3.200		3.050		Không đạt
	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	55		53,5		
4	Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với GRDP	%		32		36,6	Vượt
5	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng/ha	150		156,2		Vượt
6	Tốc độ tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu	%		15		11,9	Không đạt
7	Tốc độ tăng thu ngân sách nội địa	%		10		11,6	Vượt
8	Cơ cấu lao động						Đạt
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	27		25,0		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	42		45,5		
	- Dịch vụ	%	31		29,5		
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75		75,0		Không đạt
	<i>Trong đó: Tỷ lệ có chứng chỉ</i>	%	30		24,0		
10	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,725		0,741		Vượt
11	Tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới	%	>60		100,0		Vượt
12	Tỷ lệ đô thị hóa	%	33-35		32,2		Không đạt

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu		Thực hiện		So với mục tiêu Đại hội
			Đến năm 2020	Bình quân (2016-2020)	Ước 2020	Bình quân (2016-2020)	
13	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%	67		79,8		Vượt
	Tr.đó: - Mầm non	%	52		61,4		
	- Tiểu học	%	99		96,1		
	- Trung học cơ sở	%	53		89,8		
	- Trung học phổ thông	%	56		63,5		
14	Số giường bệnh/1 vạn dân	Giường bệnh	30		31,2		Đạt
	Số bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ	9		9,3		
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	8,5		10,2		
15	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm		1,0	1,9	1,06	Đạt
16	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số	%	87		90,5		Vượt
17	Tỷ lệ làng, khu dân cư văn hóa	%	80		93,7		Đạt
	Tỷ lệ cơ quan văn hóa	%	90		85,0		
18	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100		100,0		Đạt
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	90		99,8		
	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	95		100,0		
	Tỷ lệ rác thải nông thôn được thu gom, xử lý	%	75		87,0		
	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý	%	95		95,0		
19	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh	%/năm		>75		78,3	Đạt
	Kết nạp đảng viên hằng năm	Đảng viên		>2.500		> 2.500	
20	Tỷ lệ tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh	%/năm		>80		91,9	Vượt

Biểu 2
MỤC TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2020 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện (2015-2020)		Mục tiêu 2021-2025		Mục tiêu 2025-2030		Mục tiêu cả nước	
			Đến 2020	Bình quân 5 năm	Đến 2025	Bình quân 5 năm	Đến 2030	Bình quân 5 năm	2021-2025	2025-2030
1	Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%		8,4		8,5			7,0	7,0
	- Nông, lâm, thủy sản	%		1,9		1,7				
	- Công nghiệp, xây dựng	%		11,3		10,5				
	- Dịch vụ	%		6,3		7,6				
	GRDP bình quân đầu người	Tr.đồng	70,6		120		200			
		USD	3.050		4.800		7.700		5.000	8.000
2	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	53,5		90		150			
3	Tỷ trọng trong GRDP									
	- Nông, lâm, thủy sản	%	9,5		6,0		4,5			
	- Công nghiệp, xây dựng	%	59,2		64,5		65,5			
	- Dịch vụ	%	31,3		29,5		30,0			
	Cơ cấu lao động									
	- Nông, lâm, thủy sản	%	25,0		19,0		14,5		25,0	20,0
	- Công nghiệp, xây dựng	%	45,5		50,5		53			
	- Dịch vụ	%	29,5		30,5		32,5			
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ	%	24,0		33		43		25	35-40
	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	43,7		55		65		45	60
	Tỷ lệ bao phủ BHYT so với dân số	%	90,5		95		>99		95	>95
5	Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%		47,1	50,0		x		45,0	50,0
	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%/năm		7,2	7,5		x		6,0	6,5
6	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới hằng năm	%/năm			15,0					
7	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng/ha	156,2		180		210			
8	Tỷ lệ xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu	%	x		20				7,5	
9	Tốc độ tăng thu ngân sách nội địa	%		11,6	10		x			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện (2015-2020)		Mục tiêu 2021-2025		Mục tiêu 2025-2030		Mục tiêu cả nước	
			Đến 2020	Bình quân 5 năm	Đến 2025	Bình quân 5 năm	Đến 2030	Bình quân 5 năm	2021-2025	2025-2030
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%		32,2	45		60		45	50
11	Chỉ số phát triển con người (HDI)			0,741	0,77		0,80			0,70
12	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn QG		79,8							
	Trong đó: - Mầm non	%	61,4		70,0					
	- Tiểu học	%	96,1		98,7					
	- Trung học cơ sở	%	89,8		95,0					
	- Trung học phổ thông	%	63,5		80,0					
13	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường bệnh	31,2		36,0		40,4		30	32
	Số bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ	9,3		10,0		11,0		10	11
14	Số hộ nghèo giảm	Hộ		-1,06 %/năm	giảm 4/5					
	Tỷ lệ thất nghiệp	%		2,6	3-4					
	Tỷ lệ thiếu việc	%			2					
15	Tỷ lệ làng, khu dân cư văn hóa	%	93,7			90		90		
	Tỷ lệ cơ quan văn hóa	%	85,0			85		90		
16	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	%		...	100					
17	Tỷ lệ các CCN (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%		...	100					
	Tỷ lệ các doanh nghiệp được phê duyệt đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	%		...	100		100			
18	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ	%		78,3		80				
	Tỷ lệ tổ chức cơ sở của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh, xuất sắc	%		91,9		90				
19	Số lượng kết nạp đảng viên mới hằng năm	Người		>2.500		>2.200				